

Phụ lục 2
THỰC TRẠNG TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ
(Kèm theo Phương án số /PA-UBND ngày / /2026 của UBND thành phố)

STT	TÊN TRƯỜNG	Số điểm trường (bao gồm điểm trường chính và các điểm trường lẻ)	Số lớp (thống kê số dự kiến của năm học 2026-2027)	Số học sinh (thống kê số dự kiến của năm học 2026-2027)	BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC ĐƯỢC GIAO				Số lượng hợp đồng lao động được giao theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP) (báo cáo số liệu theo Nghị quyết 41/NQ-HĐND ngày 29/6/2026)	VIÊN CHỨC HIỆN CÓ				HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG HIỆN CÓ		Ghi chú
					Tổng	Trong đó				Tổng	Trong đó			HĐLĐ theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP) (không thống kê HĐLĐ hỗ trợ, phục vụ)	HĐLĐ trong chỉ tiêu số lượng người làm việc được giao	
						Viên chức quản lý	Viên chức giáo viên (bao gồm tổng phụ trách đội)	Viên chức khác (kế toán, thủ quỹ, văn thư, y tế, quản trị công sở, thư viện, thiết bị, giáo vụ, ...)			Viên chức quản lý	Viên chức giáo viên (bao gồm tổng phụ trách đội)	Viên chức khác (kế toán, thủ quỹ, văn thư, y tế, quản trị công sở, thư viện, thiết bị, giáo vụ, ...)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
TỔNG CỘNG (A+B):		1.810	18.349	625.292	37.331	2.431	31.731	3.169	3.030	33.609	2.307	28.518	2.784	1.975	3.310	
A	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	85	2.534	105.272	5.580	244	4.892	444	531	5.391	241	4.706	444	0	94	
I	Trường Tiểu học, THCS và THPT	1	32	1.238	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	Trường Tiểu học, THCS và THPT Hermann Gmeiner	1	32	1.238	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
II	Trường THCS và THPT	1	55	2.531	119	4	108	7	5	105	4	94	7	0	2	
1	Nguyễn Khuyến	1	55	2.531	119	4	108	7	5	105	4	94	7		2	
III	Trường THPT	68	2.143	91.409	4.757	204	4.222	331	456	4.654	201	4.125	328	0	55	
1	Ấu Cơ	1	15	562	35	3	27	5	9	35	3	27	5			
2	Bắc Trà My	1	37	1.581	79	3	70	6	15	77	3	68	6		1	
3	Cẩm Lệ	1	32	1.399	77	3	70	4	3	75	3	68	4		1	
4	Cao Bá Quát	1	35	1.469	73	3	66	4	8	72	3	65	4			
5	Chu Văn An	1	32	1.336	69	3	61	5	6	67	2	60	5			
6	Đỗ Đăng Tuyển	1	37	1.570	67	3	60	4	16	66	3	59	4			
7	Duy Tân	1	33	1.363	76	3	69	4	2	76	3	69	4			
8	Hiệp Đức	1	24	1.003	50	3	43	4	8	47	3	40	4			
9	Hồ Nghinh	1	30	1.247	60	3	53	4	9	58	3	51	4		2	
10	Hòa Vang	1	30	1.336	77	3	69	5	0	75	3	67	5		1	
11	Hoàng Diệu	1	33	1.338	71	3	64	4	4	66	3	59	4		3	
12	Hoàng Hoa Thám	1	36	1.582	90	3	81	6	0	88	3	79	6		2	
13	Hùng Vương	1	33	1.396	75	3	68	4	4	72	3	65	4			
14	Huỳnh Ngọc Huệ	1	34	1.435	69	3	61	5	9	66	3	58	5		3	
15	Huỳnh Thúc Kháng	1	31	1.336	66	3	58	5	8	65	3	57	5			
16	Khâm Đức	1	23	946	50	3	43	4	16	46	3	39	4		3	
17	Lê Hồng Phong	1	26	1.089	57	3	50	4	6	57	3	50	4			
18	Lê Quý Đôn	1	32	1.362	74	3	67	4	4	74	3	67	4			
19	Liên Chiểu	1	32	1.416	74	3	65	6	5	69	3	60	6		3	
20	Lương Thế Vinh	1	46	1.936	95	3	86	6	10	95	3	86	6		2	
21	Lương Thúc Kỳ	1	28	1.197	58	3	51	4	9	58	3	51	4			
22	Lý Tự Trọng	1	18	752	44	3	37	4	3	44	3	37	4			
23	Nam Trà My	1	28	1.240	47	3	39	5	30	43	3	35	5		1	
24	Ngô Quyền	1	36	1.550	85	3	76	6	2	85	3	76	6			
25	Ngũ Hành Sơn	1	33	1.447	76	3	66	7	5	75	3	65	7		1	
26	Nguyễn Dục	1	24	984	52	3	45	4	5	52	3	46	3			
27	Nguyễn Duy Hiệu	1	42	1.771	86	3	78	5	9	86	3	78	5			
28	Nguyễn Hiến	1	44	1.882	100	3	90	7	4	100	3	90	7			
29	Nguyễn Hiến - Duy Xuyên	1	29	1.236	56	3	47	6	11	55	3	46	6			
30	Nguyễn Huệ	1	39	1.668	78	3	71	4	11	77	3	71	3		1	
31	Nguyễn Khuyến	1	35	1.450	69	3	62	4	10	68	3	61	4		1	
32	Nguyễn Thái Bình	1	39	1.647	81	3	72	6	9	80	3	71	6			
33	Nguyễn Thượng Hiền	1	33	1.495	76	3	67	6	7	74	3	65	6		1	
34	Nguyễn Trãi	1	37	1.631	74	3	66	5	13	72	3	64	5		1	
35	Nguyễn Trãi - Hội An	1	32	1.376	67	3	60	4	9	66	3	59	4			
36	Nguyễn Văn Cừ	1	30	1.292	65	3	58	4	7	63	3	56	4			
37	Nguyễn Văn Thoại	1	29	1.284	73	3	63	7	2	71	3	61	7		2	

STT	TÊN TRƯỞNG	Số điểm trường (bao gồm điểm trường chính và các điểm trường lẻ)	Số lớp (thống kê số dự kiến của năm học 2026-2027)	Số học sinh (thống kê số dự kiến của năm học 2026-2027)	BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC ĐƯỢC GIAO				Số lượng hợp đồng lao động được giao theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP) (báo cáo số liệu theo Nghị quyết 41/NQ-HĐND ngày 29/6/2026)	VIÊN CHỨC HIỆN CÓ				HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG HIỆN CÓ		Ghi chú
					Tổng	Trong đó				Tổng	Trong đó			HĐLĐ theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP) (không thống kê HĐLĐ hỗ trợ, phục vụ)	HĐLĐ trong chỉ tiêu số lượng người làm việc được giao	
						Viên chức quản lý	Viên chức giáo viên (bao gồm tổng phụ trách đội)	Viên chức khác (kế toán, thủ quỹ, văn thư, y tế, quản trị công sở, thư viện, thiết bị, giáo vụ, ...)			Viên chức quản lý	Viên chức giáo viên (bao gồm tổng phụ trách đội)	Viên chức khác (kế toán, thủ quỹ, văn thư, y tế, quản trị công sở, thư viện, thiết bị, giáo vụ, ...)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
38	Nguyễn Văn Trỗi	1	13	543	35	3	28	4	8	35	3	29	3			
39	Nông Sơn	1	23	946	49	3	42	4	7	48	3	41	4			
40	Núi Thành	1	42	1.757	94	3	85	6	4	94	3	85	6			
41	Ông Ích Khiêm	1	47	2.010	105	3	96	6	5	102	3	93	6		3	
42	Phạm Phú Thứ	1	33	1.467	82	3	72	7	2	82	3	72	7			
43	Phạm Phú Thứ - Gò Nổi	1	19	817	43	3	36	4	7	42	3	35	4			
44	Phan Bội Châu	1	35	1.470	84	3	76	5	0	84	3	76	5			
45	Phan Châu Trinh	1	92	4.023	212	3	201	8	0	198	4	186	8		10	
46	Phan Châu Trinh - Tiên Phước	1	27	1.125	59	3	52	4	6	57	3	50	4			
47	Phan Thành Tài	1	33	1.433	82	3	74	5	0	81	3	73	5		1	
48	Quang Trung - Đông Giang	1	15	623	37	3	30	4	9	37	3	30	4			
49	Quế Sơn	1	24	1.015	51	3	43	5	8	52	3	44	5		1	
50	Sào Nam	1	32	1.330	64	3	57	4	9	61	3	54	4			
51	Sơn Trà	1	30	1.345	75	3	67	5	2	75	3	67	5			
52	Tây Giang	1	13	559	29	3	22	4	13	27	3	20	4			
53	Thái Phiên	1	58	2.546	133	3	123	7	4	132	3	122	7		1	
54	Thái Phiên - Thăng Bình	1	30	1.198	64	3	57	4	5	64	3	57	4			
55	Thanh Khê	1	35	1.565	82	3	74	5	5	81	3	73	5		1	
56	Tiểu La	1	36	1.526	73	3	66	4	9	72	3	65	4			
57	Tổ Hữu	1	17	708	39	3	32	4	12	38	3	31	4			
58	Tôn Thất Tùng	1	37	1.589	80	3	72	5	7	79	3	71	5			
59	Trần Cao Văn	1	40	1.646	90	3	83	4	2	88	3	81	4		1	
60	Trần Đại Nghĩa	1	18	775	40	3	33	4	7	39	2	33	4			
61	Trần Hưng Đạo	1	26	1.095	60	3	53	4	4	59	3	52	4			
62	Trần Phú	1	55	2.400	126	3	114	9	4	122	3	110	9		6	
63	Trần Phú - Việt An	1	23	951	45	3	38	4	9	43	3	36	4			
64	Trần Quý Cáp	1	32	1.378	72	3	65	4	6	69	2	63	4			
65	Trần Văn Dư	1	20	822	48	3	41	4	3	48	3	41	4			
66	Võ Chí Công	1	25	1.092	60	3	52	5	4	59	3	51	5		2	
67	Võ Chí Công - Hùng Sơn	1	8	299	21	3	14	4	7	19	2	13	4			
68	Võ Nguyên Giáp	1	18	752	52	3	45	4	0	52	3	45	4			
IV	PTĐTNT THPT	1	10	337	45	3	35	7	5	43	3	33	7	0	0	
1	Quảng Nam	1	10	337	45	3	35	7	5	43	3	33	7			
V	PTĐTNT THCS và THPT	3	33	1.124	101	9	73	19	17	96	9	68	19	0	0	
1	Nam Trà My	1	10	337	30	3	20	7	7	28	3	18	7			
2	Phước Sơn	1	11	376	34	3	25	6	5	33	3	24	6			
3	Nước Oa	1	12	411	37	3	28	6	5	35	3	26	6			
VI	Trường THPT chuyên	3	88	2.882	287	9	247	31	28	266	9	226	31	0	7	
1	Lê Quý Đôn	1	34	993	120	3	103	14	2	111	3	94	14		4	
2	Lê Thánh Tông	1	27	944	82	3	70	9	14	77	3	65	9		3	
3	Nguyễn Bình Khiêm	1	27	945	85	3	74	8	12	78	3	67	8			
VII	Cơ sở giáo dục dạy khuyết tật	4	50	676	126	6	100	20	13	96	5	71	20	0	12	
1	Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập Đà Nẵng	1	22	319	63	3	51	9	0	49	2	38	9		5	
2	Trường Chuyên biệt Tương Lai	3	28	357	63	3	49	11	13	47	3	33	11		7	
VIII	Trung tâm GDTX	4	123	5.075	145	9	107	29	7	131	10	89	32	0	18	
1	Số 1	1	14	625	43	3	28	12	0	39	2	25	12		1	
2	Số 2	1	25	1.103	55	3	46	6		49	3	40	6		5	
3	Số 3	1	20	874	47	3	33	11	7	36	3	22	11		12	
4	Số 4	1	64	2.473						7	2	2	3			
B	UBND CẤP XÃ	1.725	15.815	520.020	31.751	2.187	26.839	2.725	2.499	28.218	2.066	23.812	2.340	1.975	3.216	
	UBND PHƯỜNG HẢI CHÂU															
	Mầm non															
1	Mầm non 19/5	1	15	412	38	3	33	2	2	33	3	29	1	1	5	

STT	TÊN TRƯỜNG	Số điểm trường (bao gồm điểm trường chính và các điểm trường lẻ)	Số lớp (thống kê số dự kiến của năm học 2026-2027)	Số học sinh (thống kê số dự kiến của năm học 2026-2027)	BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC ĐƯỢC GIAO				Số lượng hợp đồng lao động được giao theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP) (báo cáo số liệu theo Nghị quyết 41/NQ-HĐND ngày 29/6/2026)	VIÊN CHỨC HIỆN CÓ				HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG HIỆN CÓ		Ghi chú
					Tổng	Trong đó				Tổng	Trong đó			HDLĐ theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP) (không thống kê HDLĐ hỗ trợ, phục vụ)	HDLĐ trong chỉ tiêu số lượng người làm việc được giao	
						Viên chức quản lý	Viên chức giáo viên (bao gồm tổng phụ trách đội)	Viên chức khác (kế toán, thủ quỹ, văn thư, y tế, quản trị công sở, thư viện, thiết bị, giáo vụ, ...)			Viên chức quản lý	Viên chức giáo viên (bao gồm tổng phụ trách đội)	Viên chức khác (kế toán, thủ quỹ, văn thư, y tế, quản trị công sở, thư viện, thiết bị, giáo vụ, ...)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
2	Mầm non 20-10	1	17	480	44	3	39	2	2	40	3	36	1	1	4	
3	Mầm non Anh Hồng	2	10	200	33	3	28	2	0	30	3	26	1	0	1	
4	Mầm non Bình Minh	2	17	460	35	3	30	2	11	30	3	25	2	5	5	
5	Mầm non Dạ Lan Hương	1	14	390	33	3	28	2	6	31	3	26	2	4	2	
6	Mầm non Hoa Phượng Đỏ	1	15	445	40	3	35	2	1	35	3	30	2	0	5	
7	Mầm non Măng Non	3	8	165	28	3	23	2	0	26	3	21	2		2	
8	Mầm non Ngọc Lan	1	13	390	30	3	25	2	6	23	3	19	1	4	7	
9	Trường MN Tiên Sa	1	12	375	28	3	23	2	6	26	3	21	2	4	2	
10	Mầm non Tuổi Thơ	1	11	293	30	3	25	2	2	29	3	24	2	1	1	
11	Mầm non Trúc Đào	1	9	220	25	3	20	2	1	22	3	18	1	0	3	
	Tiểu học															
12	Tiểu học Bạch Đằng	1	16	442	33	2	28	3	0	28	2	24	2	0	2	
13	Tiểu học Hoàng Văn Thụ	1	27	997	44	2	39	3	4	40	1	36	3	0	2	
14	Tiểu học Hùng Vương	1	16	481	30	2	25	3	2	29	2	24	3	0	1	
15	Tiểu học Lê Lai	1	20	618	35	2	30	3	2	33	2	28	3	0	2	
16	Tiểu học Lý Tự Trọng	1	32	1.291	56	3	49	4	2	52	3	46	3	0	4	
17	Tiểu học Ông Ích Khiêm	1	21	670	38	2	33	3	1	33	2	29	2	0	5	
18	Tiểu học Phan Thanh	1	19	598	35	2	30	3	1	32	2	29	1	0	3	
19	Tiểu học Phù Đổng	2	46	1.497	83	3	76	4	0	77	3	70	4	0	1	
20	Tiểu học Tây Hồ	1	22	632	42	2	37	3	0	42	2	37	3	0	0	
21	Tiểu học Trần Thị Lý	1	15	460	34	2	29	3	0	29	2	27	0	0	3	
22	Tiểu học Trần Văn Ôn	1	32	946	63	3	55	5	0	59	3	52	4	0	0	
23	Tiểu học Võ Thị Sáu	1	27	811	49	3	43	3	1	48	3	42	3	0	1	
	THCS															
24	THCS Kim Đồng	1	35	1.334	80	3	73	4	0	75	3	68	4	0	4	
25	THCS Lê Hồng Phong	1	24	863	49	2	42	5	6	42	2	36	4	3	7	
26	THCS Lê Thánh Tôn	1	17	570	42	2	36	4	0	37	2	33	2		5	
27	THCS Nguyễn Huệ	1	52	2.619	97	3	90	4	11	86	3	80	3	7	9	
28	Trường THCS Sào Nam	1	17	620	40	2	34	4	1	38	2	33	3	0	1	
29	THCS Trưng Vương	1	51	2.412	100	3	93	4	8	79	3	73	3	5	21	
	UBND PHƯỜNG HÒA CƯỜNG															
	Mầm non															
1	Trường Mầm non 30/4	1	9	179	25	3	20	2	1	21	2	17	2	1	3	
2	Trường Mầm non Cẩm Vân	1	12	213	27	3	22	2	7	24	3	19	2	6	3	
3	Trường Mầm non Hoàng Lan	1	10	232	26	3	21	2	2	20	3	16	1	0	6	
4	Trường Mầm non Hoa Ban	1	17	385	44	3	39	2	1	42	3	37	2	0	2	
5	Trường Mầm non Anh Đào	2	17	388	42	3	37	2	1	33	3	28	2	1	9	
	Tiểu học															
6	Trường Tiểu học Lê Đình Chinh	1	36	1.298	62	3	54	5	2	60	3	53	4	1	2	
7	Trường Tiểu học Nguyễn Du	1	34	1.240	63	3	55	5	2	60	3	53	4	0	1	
8	Trường Tiểu học Lý Công Uẩn	1	46	1.725	79	3	71	5	7	71	3	64	4	0	3	
9	Trường Tiểu học Phan Đăng Lưu	1	35	1.440	57	3	51	3	5	55	2	50	3	1	1	
10	Trường Tiểu học Núi Thành	1	40	1.685	66	3	58	5	4	61	3	56	2	1	4	
11	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	1	29	998	53	3	45	5	3	47	3	42	2	1	3	
	THCS															
12	Trường THCS Hồ Nghinh	1	24	917	47	3	39	5	8	40	2	36	2	5	6	
13	Trường THCS Tây Sơn	1	69	3.456	117	3	109	5	25	95	2	90	3	17	16	
14	Trường THCS Lý Thường Kiệt	1	38	1.825	89	3	81	5	2	81	3	74	4	1	3	
15	Trường THCS Trần Hưng Đạo	1	28	1.084	60	3	52	5	5	57	3	51	3	2	2	
	TH và THCS															
16	Trường Tiểu học và THCS Hòa Cường	1	18	750	10	3	6	1	14	23	3	19	1	0	3	
	UBND PHƯỜNG THANH KHÊ															
	Mầm non															

STT	TÊN TRƯỜNG	Số điểm trường (bao gồm điểm trường chính và các điểm trường lẻ)	Số lớp (thống kê số dự kiến của năm học 2026-2027)	Số học sinh (thống kê số dự kiến của năm học 2026-2027)	BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC ĐƯỢC GIAO				Số lượng hợp đồng lao động được giao theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP) (báo cáo số liệu theo Nghị quyết 41/NQ-HĐND ngày 29/6/2026)	VIÊN CHỨC HIỆN CÓ				HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG HIỆN CÓ		Ghi chú
					Tổng	Trong đó				Tổng	Trong đó			HDLĐ theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP) (không thống kê HDLĐ hỗ trợ, phục vụ)	HDLĐ trong chỉ tiêu số lượng người làm việc được giao	
						Viên chức quản lý	Viên chức giáo viên (bao gồm tổng phụ trách đội)	Viên chức khác (kế toán, thủ quỹ, văn thư, y tế, quản trị công sở, thư viện, thiết bị, giáo vụ, ...)			Viên chức quản lý	Viên chức giáo viên (bao gồm tổng phụ trách đội)	Viên chức khác (kế toán, thủ quỹ, văn thư, y tế, quản trị công sở, thư viện, thiết bị, giáo vụ, ...)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	Trường Mầm non Phong Lan	4	11	241	29	3	24	2	0	23	2	20	1	0	5	
2	Trường Mầm no Hải Đường	3	13	334	30	3	25	2	3	26	3	21	2	2	4	
3	Trường Mầm non Thủy Tiên	2	12	327	34	3	29	2	0	34	3	29	2	0	0	
4	Trường Mầm non Tuổi Hoa	2	13	367	34	3	29	2	0	30	3	26	1	0	2	
5	Trường Mầm non Cẩm Nhung	2	15	423	38	3	33	2	0	34	3	29	2	0	1	
6	Trường Mầm non Mẫu Đơn	3	20	523	41	2	37	2	4	38	2	34	2	4	3	
7	Trường Mầm non Hoàng Mai	2	11	294	29	3	24	2	0	27	3	22	2	0	2	
8	Trường Mầm non Tường Vy	2	11	291	28	3	23	2	1	25	3	20	2	1	3	
9	Trường Mầm non Cẩm Tú	2	13	365	33	3	28	2	0	30	2	27	1	0	2	
Tiểu học																
10	Trường Tiểu học Hàm Nghi	1	13	369	27	2	22	3	1	26	2	22	2	0	1	
11	Trường Tiểu học Lê Văn Tám	1	29	958	50	3	43	4	0	48	3	42	3	0	2	
	Trường Tiểu học Lê Quang Sung	2	29	909	53	3	46	4	0	49	3	43	3	0	3	
13	Trường Tiểu học Huỳnh Ngọc Huệ	1	36	1.208	61	3	53	5	1	56	3	49	4	0	5	
14	Trường Tiểu học Nguyễn Trung Trực	1	15	433	31	2	26	3	0	26	2	23	1	0	4	
15	Trường Tiểu học Hoa Lư	2	33	1.210	66	3	58	5	0	59	3	54	2	0	3	
16	Trường Tiểu học Điện Biên Phủ	1	27	950	53	3	46	4	0	50	3	44	3	0	3	
17	Trường Tiểu học Trần Cao Văn	3	45	1.429	80	3	72	5	0	75	3	69	3	0	4	
18	Trường Tiểu học Dũng Sĩ Thanh Khê	1	28	953	50	2	44	4	2	43	2	39	2	2	7	
19	Trường Tiểu học Đoàn Thị Điểm	1	34	1.113	60	3	53	4	0	53	3	48	2	0	6	
20	Trường Tiểu học Hà Huy Tập	1	25	833	46	2	40	4	0	39	2	35	2	0	5	
21	Trường Tiểu học Đình Bộ Lĩnh	1	24	812	49	3	42	4	0	40	1	37	2	0	6	
22	Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc	1	14	408	31	2	26	3	0	24	2	20	2	0	4	
23	Trường Tiểu học Nguyễn Đức Cảnh	1	33	1.295	48	2	42	4	12	43	2	38	3	11	4	
THCS																
24	Trường THCS Chu Văn An	1	29	1.179	63	3	54	6	0	55	2	49	4	0	7	
25	Trường THCS Nguyễn Duy Hiệu	1	17	561	43	2	36	5	0	36	2	31	3	0	5	
26	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	1	19	744	45	2	38	5	1	38	2	34	2	1	5	
27	Trường THCS Phan Đình Phùng	1	32	1.290	67	3	58	6	3	66	3	57	6	2	1	
28	Trường THCS Nguyễn Chơn	1	29	1.228	49	2	42	5	15	45	2	40	3	14	2	
29	Trường THCS Lê Thị Hồng Gấm	1	25	991	55	2	48	5	1	46	2	43	1	1	8	
30	Trường THCS Nguyễn Trãi	1	21	849	53	2	46	5	0	47	2	44	1	0	5	
31	Trường THCS Hoàng Diệu	1	22	840	51	2	44	5	0	45	2	38	5	0	6	
32	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	1	51	2.316	108	3	99	6	3	100	3	93	4	2	6	
33	Trường THCS Đỗ Đăng Tuyển	1	29	1.266	60	2	53	5	3	54	2	50	2	3	6	
UBND PHƯỜNG AN KHÊ																
Mầm non																
1	Trường mầm non Hồng Đào	3	16	460	35	3	30	2	2	30	3	26	1	2	4	
2	Trường Mầm non Tri Nhân	2	21	600	39	3	34	2	9	35	3	30	2	8	4	
3	Trường Mầm non Hoa Ngọc Lan	3	14	340	34	3	29	2	0	33	3	28	2	0	0	
Tiểu học																
4	Trường Tiểu học An Khê	1	19	613	35	2	30	3	0	33	2	29	2	0	0	
5	Trường TH Bé Văn Đàn	1	37	1.268	59	3	52	4	1	57	3	51	3	1	1	
6	Trường TH Nguyễn Bình Khiêm	1	32	1.091	55	3	48	4	0	50	3	45	2	0	3	
7	Trường TH Thái Thị Bôi	2	41	1.640	66	3	60	3	1	63	3	57	3	0	3	
8	Trường TH Nguyễn Như Hạnh	2	34	1.263	55	3	49	3	2	47	3	41	3	2	8	
9	Trường TH Tôn Đức Thắng	2	42	1.643	65	3	59	3	2	60	3	55	2	4	1	
THCS																
10	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	2	42	1.861	83	3	73	7	6	74	3	70	1	6	8	
11	Trường THCS Nguyễn Công Trứ	1	33	1.405	58	3	50	5	13	51	3	44	4	13	7	
12	Trường THCS Nguyễn Thị Định	1	55	2.329	83	3	75	5	24	67	3	62	2	24	16	
UBND PHƯỜNG AN HAI																
Mầm non																

STT	TÊN TRƯỜNG	Số điểm trường (bao gồm điểm trường chính và các điểm trường lẻ)	Số lớp (thống kê số dự kiến của năm học 2026-2027)	Số học sinh (thống kê số dự kiến của năm học 2026-2027)	BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC ĐƯỢC GIAO				Số lượng hợp đồng lao động được giao theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP) (báo cáo số liệu theo Nghị quyết 41/NQ-HĐND ngày 29/6/2026)	VIÊN CHỨC HIỆN CÓ				HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG HIỆN CÓ		Ghi chú
					Tổng	Trong đó				Tổng	Trong đó			HDLĐ theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP) (không thống kê HDLĐ hỗ trợ, phục vụ)	HDLĐ trong chỉ tiêu số lượng người làm việc được giao	
						Viên chức quản lý	Viên chức giáo viên (bao gồm tổng phụ trách đội)	Viên chức khác (kể toán, thủ quỹ, văn thư, y tế, quản trị công sở, thư viện, thiết bị, giáo vụ, ...)			Viên chức quản lý	Viên chức giáo viên (bao gồm tổng phụ trách đội)	Viên chức khác (kể toán, thủ quỹ, văn thư, y tế, quản trị công sở, thư viện, thiết bị, giáo vụ, ...)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	Mầm non Hoàng Anh	2	14	380	31	3	26	2	7	28	3	23	2	7	3	
2	Mầm non Hoàng Cúc	1	13	350	28	3	23	2	7	24	3	19	2	7	4	
3	Mầm non Sơn ca	1	10	260	27	3	22	2	2	26	3	21	2	2	1	
4	Mầm non Bạch Yến	2	13	400	32	3	27	2	5	29	3	24	2	5	3	
5	Mầm non Hoàng Yến	2	16	520	37	3	32	2	5	35	3	30	2	5	2	
	Tiểu học															
6	Tiểu học Chi Lăng	2	19	542	35	2	29	4	2	33	2	28	3	2	2	
7	Tiểu học Nguyễn Thái Học	1	18	520	32	2	26	4	3	29	1	25	3	3	3	
8	Tiểu học Ngô Gia Tự	1	37	1.406	62	3	54	5	8	56	3	48	5	8	6	
9	Tiểu học Ngô Mây	1	35	1.277	57	3	50	4	6	52	3	46	3	6	4	
10	Tiểu học Tiểu La	1	40	1.520	61	3	53	5	8	57	3	49	5	8	4	
11	Tiểu học Lương Thế Vinh	1	25	770	42	2	36	4	5	39	2	34	3	5	3	
	THCS															
12	THCS Phan Bội Châu	1	24	926	52	2	45	5	8	43	2	37	4	8	9	
13	THCS Nguyễn Văn Cừ	1	32	1.312	65	3	57	5	6	60	3	52	5	6	5	
14	THCS Cao Thắng	1	12	402	35	2	27	6	2	32	2	24	6	2	3	
15	THCS Lê Độ	1	53	2.279	103	3	94	6	11	93	3	86	4	11	10	
	UBND PHƯỜNG SƠN TRÀ															
	Mầm non															
1	Trường MN Rạng Đông	3	19	575	43	3	38	2	1	41	3	36	2	1	2	
2	Trường MN Hòa Mỹ	1	13	400	33	3	28	2	3	32	3	27	2	3	1	
3	Trường MN Vành Khuyên	2	19	632	39	3	34	2	5	33	3	28	2	5	6	
	Tiểu học															
4	Trường TH Hai Bà Trưng	2	44	1.707	72	3	64	5	4	67	3	59	5	4	5	
5	Trường TH Trần Quốc Toản	1	28	875	49	2	43	4	2	47	2	43	2	2	2	
6	Trường TH Tô Vĩnh Diện	1	26	868	44	2	38	4	2	39	2	34	3	2	5	
7	Trường Th Quang Trung	1	34	1.199	59	3	51	5	2	51	3	43	5	2	8	
8	Trường TH Nguyễn Tri Phương	1	36	1.517	61	3	54	4	4	56	2	50	4	4	5	
9	Trường TH Nguyễn Phan Vinh	2	25	769	43	2	38	3	3	37	2	32	3	3	6	
	THCS															
10	Trường THCS Phạm Ngọc Thạch	1	36	1.599	73	3	66	4	4	70	3	63	4	4	3	
11	Trường THCS Lý Tự Trọng	1	43	1.853	81	3	73	5	9	70	3	63	4	9	8	
12	Trường THCS Nguyễn Chí Thanh	1	28	1.004	64	3	56	5	0	59	3	51	5	0	5	
13	Trường THCS Hoàng Sa	1	26	900	51	2	44	5	8	40	2	35	3	8	10	
	UBND PHƯỜNG NGŨ HÀNH SƠN															
	Mầm non															
1	Mầm non Bạch Dương	1	17	465	40	3	35	2	4	37	1	34	2	1	1	
2	Mầm non Sen Hồng	2	20	580	28	2	24	2	17	25	2	21	2	13	3	
3	Mầm non Ngọc Lan	2	20	641	45	3	40	2	5	37	3	34	0	1	8	
4	Mầm non Hoàng Lan	1	12	325	27	2	23	2	4	24	2	21	1	2	3	
5	Mầm non Tân Trà	1	9	258	16	2	12	2	8	16	2	12	2	8	0	
6	Mầm non Hoàng Anh	2	18	560	42	3	37	2	3	37	3	32	2	0	5	
7	Mầm non Vàng Anh	1	7	247	17	2	13	2	3	10	2	8	0	2	7	
	Tiểu học															
8	Tiểu học Lê Lai	2	47	1.636	80	3	72	5	0	75	2	68	5	0	4	
9	Tiểu học Lê Bá Bình	1	20	656	35	2	30	3	1	33	2	29	2	1	0	
10	Tiểu học Trần Quang Diệu	1	40	1.395	65	3	59	3	3	60	3	54	3	1	5	
11	Tiểu học Nguyễn Duy Trinh	1	30	1.080	50	3	44	3	2	44	2	40	2	2	4	
12	Tiểu học Mai Đăng Chon	1	30	1.054	51	3	44	4	2	49	3	42	4	2	2	
13	Tiểu học Lê Văn Hiến	1	29	1.050	43	2	38	3	7	42	2	37	3	3	1	
14	Tiểu học Phạm Hồng Thái	1	40	1.572	65	3	58	4	5	62	2	57	3	3	2	
15	Tiểu học Tô Hiến Thành	1	26	883	39	2	34	3	7	34	2	29		4	5	
	THCS															

STT	TÊN TRƯỞNG	Số điểm trường (bao gồm điểm trường chính và các điểm trường lẻ)	Số lớp (thống kê số dự kiến của năm học 2026-2027)	Số học sinh (thống kê số dự kiến của năm học 2026-2027)	BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC ĐƯỢC GIAO				Số lượng hợp đồng lao động được giao theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP) (báo cáo số liệu theo Nghị quyết 41/NQ-HĐND ngày 29/6/2026)	VIÊN CHỨC HIỆN CÓ				HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG HIỆN CÓ		Ghi chú
					Tổng	Trong đó				Tổng	Trong đó			HĐLĐ theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP) (không thống kê HĐLĐ hỗ trợ, phục vụ)	HĐLĐ trong chỉ tiêu số lượng người làm việc được giao	
						Viên chức quản lý	Viên chức giáo viên (bao gồm tổng phụ trách đội)	Viên chức khác (kế toán, thủ quỹ, văn thư, y tế, quản trị công sở, thư viện, thiết bị, giáo vụ, ...)			Viên chức quản lý	Viên chức giáo viên (bao gồm tổng phụ trách đội)	Viên chức khác (kế toán, thủ quỹ, văn thư, y tế, quản trị công sở, thư viện, thiết bị, giáo vụ, ...)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
16	THCS Lê Lợi	1	49	2.158	93	3	83	7	12	84	2	76	6	8	8	
17	THCS Trần Đại Nghĩa	1	29	1.289	52	3	44	5	13	42	3	37	2	9	10	
18	THCS Huỳnh Bá Chánh	1	49	2.158	86	3	77	6	18	67	3	60	4	13	18	
19	THCS Nguyễn Bình Khiêm	1	42	1.876	73	3	65	5	16	59	3	51	5	10	14	
	UBND PHƯỜNG HÒA KHÁNH															
	Mầm non															
1	Trường Mầm non Tuổi Thơ	2	10	300	24	3	19	2	3	22	2	18	2	2	0	
2	Trường Mầm non Tuổi Hoa	1	11	320	24	3	19	2	5	23	3	18	2	5	0	
3	Mầm non Tuổi Ngọc	2	16	510	36	3	31	2	4	36	3	31	2	2	0	
4	Trường Mầm non 1-6	2	17	510	38	3	33	2	3	38	3	33	2	3	0	
5	Mầm non Hòa Sơn	3	22	580	51	3	46	2	1	49	2	45	2	1	1	
	Tiểu học															
6	Trường Tiểu học Hồng Quang	1	41	1.661	60	3	53	4	14	52	3	46	3	9	8	
7	Trường Tiểu học Duy Tân	1	38	1.561	61	3	54	4	7	50	3	44	3	7	11	
8	Trường Tiểu học Bùi Thị Xuân	1	40	1.850	60	3	53	4	12	60	3	53	4	11	0	
9	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	2	50	2.067	81	3	73	5	6	74	3	66	5	8	7	
10	Trường Tiểu học Phan Phu Tiên	1	46	2.031	68	3	60	5	13	60	2	56	2	13	4	
11	Trường Tiểu học Số 2 Hòa Sơn	3	32	1.178	56	3	49	4	4	45	3	41	1	2	9	
12	Trường Tiểu học Số 1 Hòa Sơn	1	26	839	42	2	36	4	6	37	2	32	3	4	5	
13	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	1	42	1.839	66	3	59	4	9	62	3	55	4	7	4	
	THCS															
14	Trường THCS Lương Thế Vinh	1	49	2.190	87	3	79	5	19	66	2	59	5	14	19	
15	Trường THCS Ngô Thị Nhâm	1	52	2.340	92	3	83	6	19	84	3	76	5	14	7	
16	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	1	52	2.415	98	3	88	7	15	86	3	78	5	14	11	
17	Trường THCS Trần Quang Khải	1	42	1.827	73	3	65	5	19	58	3	51	4	13	15	
	UBND PHƯỜNG LIÊN CHIÊU															
	Mầm non															
1	Trường MN Hòa Liên	1	14	365	34	3	29	2	0	33	3	28	2	0	0	
2	Trường MN số 2 Hòa Liên	2	12	330	30	3	25	2	0	29	3	24	2	0	1	
3	Trường MN Sơn Ca	2	23	620	17	3	12	2	33	17	2	13	2	33	0	
4	Trường Mẫu giáo Hòa Mĩ	1	12	370	31	3	26	2	0	26	3	22	1	0	5	
	Tiểu học															
5	Trường TH Hòa Liên	1	22	714	44	3	38	3	4	39	3	33	3	1	2	
6	Trường TH số 2 Hòa Liên	1	25	791	36	2	30	4	1	32	1	27	4	2	3	
7	Trường TH Ngô Sĩ Liên	1	33	1.441	45	3	38	4	9	45	3	38	4	8	0	
8	Trường TH Ấu Cơ	1	41	1.762	58	3	50	5	9	55	3	49	3	10	3	
	THCS															
9	Trường THCS Nguyễn Lương Bằng	1	58	2.631	104	3	95	6	11	93	3	84	6	11	9	
10	Trường THCS Nguyễn Bá Phát	1	30	1.255	56	3	47	6	8	49	3	44	2	10	5	
	UBND PHƯỜNG HẢI VÂN															
	Mầm non															
1	Trường MN Măng Non	4	21	625	36	3	31	2	3	32	3	27	2	1	4	
2	Trường MN Hướng Dương	5	15	440	33	3	28	2	1	30	3	25	2	1	3	
3	Trường MN Hoà Bắc	3	12	204	29	3	24	2	1	28	3	24	1	1	1	
	Tiểu học															
4	Trường TH Trưng Nữ Vương	1	35	1.541	55	3	47	5	8	50	3	43	4	7	5	
5	Trường TH Triệu Thị Trinh	2	25	958	41	2	35	4	8	32	2	27	3	7	9	
6	Trường TH Hải Vân	1	20	675	36	2	32	2	2	33	2	30	1	2	3	
7	Trường TH Trần Bình Trọng	1	25	787	43	2	37	4	6	31	2	27	2	6	12	
8	Trường TH Hoà Bắc	2	15	332	32	2	26	4	0	28	2	23	3	0	4	
	THCS															
9	Trường THCS Đàm Quang Trung	1	33	1.470	55	2	48	5	12	45	2	38	5	11	10	
10	Trường THCS Lê Anh Xuân	1	25	1.091	45	2	38	5	8	34	2	29	3	8	11	

STT	TÊN TRƯỜNG	Số điểm trường (bao gồm điểm trường chính và các điểm trường lẻ)	Số lớp (thống kê số dự kiến của năm học 2026-2027)	Số học sinh (thống kê số dự kiến của năm học 2026-2027)	BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC ĐƯỢC GIAO				Số lượng hợp đồng lao động được giao theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP) (báo cáo số liệu theo Nghị quyết 41/NQ-HĐND ngày 29/6/2026)	VIÊN CHỨC HIỆN CÓ				HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG HIỆN CÓ		Ghi chú
					Tổng	Trong đó				Tổng	Trong đó			HĐLĐ theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP) (không thống kê HĐLĐ hỗ trợ, phục vụ)	HĐLĐ trong chỉ tiêu số lượng người làm việc được giao	
						Viên chức quản lý	Viên chức giáo viên (bao gồm tổng phụ trách đội)	Viên chức khác (kế toán, thủ quỹ, văn thư, y tế, quản trị công sở, thư viện, thiết bị, giáo vụ, ...)			Viên chức quản lý	Viên chức giáo viên (bao gồm tổng phụ trách đội)	Viên chức khác (kế toán, thủ quỹ, văn thư, y tế, quản trị công sở, thư viện, thiết bị, giáo vụ, ...)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
11	Trường THCS Nguyễn Thái Bình	1	24	1.018	46	2	39	5	4	44	2	38	4	4	2	
12	Trường THCS Nguyễn Tri Phương	1	9	282	29	2	22	5	0	21	2	16	3	0	8	
	UBND PHƯỜNG CẨM LỆ															
	Mầm non															
1	Mầm non Hướng Dương	3	27	760	60	3	55	2	1	53	3	48	2	0	0	
2	Mầm non Bình Minh	2	20	565	46	3	41	2	1	45	3	40	2	0	0	
3	Mầm non Sao Mai	2	16	475	33	3	28	2	6	29	3	24	2	0	0	
	Tiểu học															
4	Tiểu học Ngô Quyền	1	33	1.232	54	3	48	3	4	51	3	45	3	0	3	
5	Tiểu học Diên Hồng	1	33	1.238	56	3	50	3	2	51	3	45	3	0	0	
6	Tiểu học Trần Nhân Tông	2	41	1.521	68	3	61	4	2	64	3	57	4	0	0	
7	Tiểu học Hoàng Dư Khương	1	32	1.200	53	3	47	3	3	48	3	42	3	0	0	
8	Tiểu học Ông ích Đường	2	36	1.308	59	3	53	3	3	54	3	48	3	0	1	
	THCS															
9	THCS Nguyễn Văn Linh	1	57	2.451	89	3	80	6	29	79	3	73	3	0	3	
10	THCS Đặng Thai Mai	1	27	1.050	43	3	35	5	17	37	3	30	4	0	0	
11	THCS Trần Quý Cáp	1	25	1.027	44	3	36	5	12	43	3	36	4	0	1	
	UBND PHƯỜNG HÒA XUÂN															
	Mầm non															
1	MN Hương Sen	3	29	835	56	3	51	2	7	52	3	47	2	7	4	
2	MN Hòa Châu	3	16	270	39	3	34	2	0	34	3	29	2	0	3	
3	MN Hòa Phước	3	18	390	41	3	36	2	1	38	3	33	2	1	2	
4	MN Hoa Mai	2	12	248	31	3	26	2	0	28	3	24	1	0	2	
	Tiểu học															
5	TH Trần Đại Nghĩa	2	74	3.160	106	3	98	5	9	94	3	86	5	9	12	
6	TH Trần Văn Dư	2	45	1.780	65	3	58	4	3	60	3	54	3	3	5	
7	TH Lê Kim Lăng	2	31	1.016	48	3	41	4	6	44	2	41	1	6	2	
8	TH Số 01 Hòa Châu	2	20	576	37	2	31	4	1	34	2	28	4	1	3	
9	TH Số 02 Hòa Phước	1	22	731	37	2	31	4	3	33	2	27	4	3	4	
10	TH Hòa Phước	2	18	495	37	2	30	5	1	29	1	26	2	1	6	
	THCS															
11	THCS Nguyễn Văn Linh	1	27	1.150	46	2	39	5	6	42	2	36	4	6	4	
12	THCS Nguyễn Thên Thuật	2	81	3.412	102	3	94	5	40	91	3	84	4	40	11	
13	THCS Nguyễn Hồng Anh	1	23	950	53	2	46	5	4	48	2	41	5	4	5	
	UBND PHƯỜNG TAM KỶ															
	Mầm non															
1	Trường Mầm non 24/3	1	12	357	29	3	24	2	1	29	3	24	2	1		
2	Trường Mẫu giáo Vành Khuyên	1	7	155	18	2	14	2	0	17	1	14	2	0		
3	Trường Mẫu giáo Hương Sen	1	8	167	20	2	16	2	2	20	2	16	2	0		
4	Trường Mẫu giáo Anh Dương	1	7	180	18	2	14	2	1	17	1	14	2	0		
	Tiểu học															
5	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn	1	30	1.035	52	3	46	3	0	52	3	46	3	0		
6	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Minh Kh	1	17	522	33	2	28	3	0	33	2	28	3	0		
7	Trường Tiểu học Kim Đồng	1	29	951	50	3	44	3	1	49	3	43	3	0		
8	Trường Tiểu học Hùng Vương	1	24	825	40	2	35	3	1	40	2	35	3	1		
	THCS															
9	Trường THCS Lý Tự Trọng	1	34	1.499	63	3	57	3	11	63	3	57	3	9		
10	Trường THCS Lê Hồng Phong	1	31	1.260	51	2	46	3	14	51	2	46	3	12		
11	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	1	30	1.326	55	3	48	4	13	53	2	47	4	9		
	UBND PHƯỜNG QUẢNG PHÚ															
	Mầm non															
1	Mẫu giáo Rạng Đông	1	6	180	16	2	12	2		15	2	11	2	1	1	
2	Mẫu giáo Hải Âu	2	5	159	15	2	11	2		15	2	11	2	0	0	

STT	TÊN TRƯỞNG	Số điểm trường (bao gồm điểm trường chính và các điểm trường lẻ)	Số lớp (thống kê số dự kiến của năm học 2026-2027)	Số học sinh (số dự kiến của năm học 2026-2027)	BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC ĐƯỢC GIAO				Số lượng hợp đồng lao động được giao theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP) (báo cáo số liệu theo Nghị quyết 41/NQ-HĐND ngày 29/6/2026)	VIÊN CHỨC HIỆN CÓ				HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG HIỆN CÓ		Ghi chú
					Tổng	Trong đó				Tổng	Trong đó			HĐLĐ theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP) (không thống kê HĐLĐ hỗ trợ, phục vụ)	HĐLĐ trong chỉ tiêu số lượng người làm việc được giao	
						Viên chức quản lý	Viên chức giáo viên (bao gồm tổng phụ trách đội)	Viên chức khác (kế toán, thủ quỹ, văn thư, y tế, quản trị công sở, thư viện, thiết bị, giáo vụ, ...)			Viên chức quản lý	Viên chức giáo viên (bao gồm tổng phụ trách đội)	Viên chức khác (kế toán, thủ quỹ, văn thư, y tế, quản trị công sở, thư viện, thiết bị, giáo vụ, ...)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
3	Mẫu giáo Anh Đào	1	6	190	16	2	12	2		15	2	11	2	1	1	
	Tiểu học															
4	Tiểu học Ngô Quyền	2	29	942	48	3	42	3	2	48	3	42	3	2	0	
5	Tiểu học Nguyễn Việt Xuân	2	28	961	41	3	35	3	9	41	3	35	3	6	0	
6	Tiểu học Ngô Gia Tự	1	15	491	28	2	23	3	2	27	2	22	3	1	1	
	THCS															
7	THCS Nguyễn Khuyến	1	19	725	32	2	27	3	11	31	2	26	3	8	1	
8	THCS Lý Thường Kiệt	1	18	717	35	3	28	4	8	35	3	28	4	5	0	
9	THCS Thái Phiên	1	11	363	22	2	17	3	9	21	2	16	3	4	1	
	UBND PHƯỜNG BÀN THẠCH															
	Mầm non															
1	Trường Mẫu giáo Hoa Sen	2	8	250	21	2	17	2	1	21	2	17	2	2		
2	Trường Mẫu giáo Bình Minh	2	9	229	23	3	18	2	1	23	3	18	2	2		
3	Trường Mầm non Sơn Ca	1	18	496	41	3	36	2	3	41	3	36	2	2		
	Tiểu học															
4	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	1	30	1.071	52	3	46	3	1	52	3	46	3	1		
5	Trường Tiểu học Nguyễn Hiền	2	26	873	47	3	41	3	1	47	3	41	3	1		
6	Trường Tiểu học Phan Thanh	2	27	885	42	3	36	3	6	42	3	36	3	7		
7	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	1	30	1.120	51	3	45	3	3	51	3	45	3	2		
	THCS															
8	Trường THCS Nguyễn Du	1	47	2.085	88	3	82	3	10	88	3	82	3	9		
9	Trường THCS Lê Lợi	1	15	586	30	3	24	3	8	30	3	24	3	8		
	UBND PHƯỜNG HƯƠNG TRÀ															
	Mầm non															
1	Mẫu giáo Măng Non	2	7	215	18	2	14	2	4	16	2	12	2	0	2	
2	Mẫu giáo Hoa Mĩ	1	6	180	16	2	12	2	2	16	2	12	2	1	0	
3	Mẫu giáo Tuổi Thơ	1	7	215	18	2	14	2	4	18	2	14	2	1	0	
	Tiểu học															
4	TH Trần Quý Cáp	1	21	718	37	2	32	3	2	37	2	32	3	0	0	
5	TH Lê Thị Hồng Gấm	1	26	871	45	2	40	3	1	45	2	40	3	0	0	
6	TH Lê Văn Tám	1	28	913	52	3	46	3	1	50	3	44	3	0	1	
	THCS															
7	THCS Chu Văn An	1	25	983	43	2	38	3	13	41	2	35	4	7	2	
8	THCS Nguyễn Huệ	1	22	839	42	2	37	3	7	42	2	37	3	6	0	
	UBND PHƯỜNG ĐIỆN BÀN															
	Mầm non															
1	MG Vĩnh Điện	1	11	296	28	3	23	2	1	28	3	23	2	1	0	
2	MG Điện Minh	2	12	310	30	3	25	2	1	27	3	22	2	1	3	
3	MG Điện Phương	3	15	315	37	3	32	2	1	33	3	29	1	1	4	
	Tiểu học															
4	TH Kim Đồng	2	38	1.225	59	3	52	4	4	52	3	45	4	4	6	
5	TH Trần Quốc Toản	1	20	543	34	2	29	3	3	28	2	25	1	3	6	
6	TH Lý Thường Kiệt	1	10	321	20	2	15	3	1	19	2	15	2	1	2	
7	TH Phạm Phú Thứ	1	16	526	28	2	23	3	2	24	2	20	2	2	4	
8	TH Nguyễn Văn Cừ	2	22	618	37	2	32	3	2	34	2	29	3	2	5	
	THCS															
9	THCS Quang Trung	1	23	950	48	2	42	4	2	42	2	36	4	2	5	
10	THCS Lý Tự Trọng	1	19	759	41	2	35	4	2	41	2	35	4	2	0	
11	THCS Nguyễn Du	1	22	941	46	2	40	4	2	39	2	33	4	2	7	
	UBND PHƯỜNG ĐIỆN BÀN ĐÔNG															
	Mầm non															
1	MG Điện Nam Bắc	1	6	140	16	2	12	2	1	15	2	11	2	1	1	
2	MG Điện Nam Trung	1	11	285	29	3	24	2	2	28	3	23	2	2	1	

[illegible]

STT	TÊN TRƯỜNG	Số điểm trường (bao gồm điểm trường chính và các điểm trường lẻ)	Số lớp (thống kê số dự kiến của năm học 2026-2027)	Số học sinh (thống kê số dự kiến của năm học 2026-2027)	BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC ĐƯỢC GIAO				Số lượng hợp đồng lao động được giao theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP) (báo cáo số liệu theo Nghị quyết 41/NQ-HĐND ngày 29/6/2026)	VIÊN CHỨC HIỆN CÓ				HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG HIỆN CÓ		Ghi chú
					Tổng	Trong đó				Tổng	Trong đó			HĐLĐ theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP) (không thống kê HĐLĐ hỗ trợ, phục vụ)	HĐLĐ trong chỉ tiêu số lượng người làm việc được giao	
						Viên chức quản lý	Viên chức giáo viên (bao gồm tổng phụ trách đội)	Viên chức khác (kế toán, thủ quỹ, văn thư, y tế, quản trị công sở, thư viện, thiết bị, giáo vụ, ...)			Viên chức quản lý	Viên chức giáo viên (bao gồm tổng phụ trách đội)	Viên chức khác (kế toán, thủ quỹ, văn thư, y tế, quản trị công sở, thư viện, thiết bị, giáo vụ, ...)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
6	Trường Tiểu học Sơn Phong	1	20	827	35	2	31	2	1	28	2	24	2	1	7	
7	Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc	1	20	861	34	2	30	2	2	27	2	23	2	2	7	
8	Trường Tiểu học Cẩm Phô	1	20	600	34	2	30	2	1	24	2	20	2	2	10	
9	Trường Tiểu học Phú Đồng	1	14	422	26	2	22	2	1	22	2	18	2	1	4	
	THCS															
10	Trường THCS Kim Đồng	1	36	1.523	74	3	66	5	3	62	2	57	3	3	12	
11	Trường THCS Nguyễn Duy Hiệu	1	21	876	47	2	42	3	1	42	2	37	3	1	5	
	TH và THCS															
12	Trường TH và THCS Lý Thường Kiệt	2	25	841	48	3	40	5	0	35	3	28	4		13	
13	Trường TH và THCS Trần Quốc Toàn	2	28	997	54	3	47	4	1	47	2	41	4	1	6	
	UBND PHƯỜNG HỘI AN ĐÔNG															
	Mầm non															
1	MN Cẩm Châu	1	8	190	21	3	16	2	1	20	3	16	1	1	1	
2	MG Cửa Đại	2	9	190	22	3	18	1	1	18	3	14	1	2	4	
3	MG Cẩm Thanh	2	11	285	27	3	22	2	1	24	3	20	1	1	0	
	Tiểu học															
4	TH Đỗ Trọng Hường	1	12	369	24	2	20	2	1	13	2	10	1	1	11	
5	TH Lý Tư Trọng	2	24	865	44	3	38	3	1	39	2	34	3	1	4	
6	TH Cẩm Thanh	1	20	798	35	2	31	2	1	30	2	26	2	1	5	
	THCS															
7	THCS Nguyễn Du	1	19	759	39	2	34	3	1	34	2	30	2	3	5	
8	THCS Huỳnh Thị Lưu	1	17	675	35	2	30	3	1	30	2	25	3	4	3	
	UBND PHƯỜNG HỘI AN TÂY															
	Mầm non															
1	Mẫu giáo Thanh Hà	1	11	330	22	3	18	1	3	22	3	18	1	3	0	
2	Mẫu giáo Tân An	1	7	200	17	2	14	1	3	17	2	14	1	1	1	
3	Mẫu giáo Cẩm An	1	5	130	13	2	10	1	3	9	1	7	1	1	3	
4	Mẫu giáo Cẩm Hà	1	6	160	15	2	12	1	3	13	1	12	0	1	1	
	Tiểu học															
5	Tiểu học Cẩm An	2	20	653	33	2	28	3	3	24	1	21	2	3	8	
6	Tiểu học Bùi Chát	3	25	917	40	2	36	2	5	37	2	33	2	2	3	
7	Tiểu học Lương Thế Vinh	1	20	839	35	2	30	3	3	30	2	27	1	1	5	
8	Tiểu học Lê Độ	1	19	643	30	2	25	3	2	25	2	22	1	2	3	
	THCS															
9	THCS Chu Văn An	1	20	790	40	2	35	3	6	33	2	28	3	5	7	
10	THCS Nguyễn Bình Khiêm	1	32	1.332	60	2	55	3	8	52	2	47	3	7	7	
11	THCS Phan Bội Châu	1	20	815	39	2	34	3	7	29	2	24	3	6	10	
	UBND XÃ HÒA VANG															
	Mầm non															
1	MN Hòa Phú	3	12	248	28	3	23	2	2	27	3	22	2	2	1	
2	MN số 2 Hòa Phong	3	20	600	45	3	40	2	4	42	3	37	2	4	3	
3	MN Hòa Phong	3	13	400	30	3	25	2	3	30	3	25	2	3	0	
	Tiểu học															
4	TH Hòa Phú	3	20	511	35	2	30	3	2	30	2	27	1	2	5	
5	TH Lâm Quang Thự	3	30	951	53	3	46	4	3	50	3	44	3	3	2	
6	TH An Phước	2	28	862	42	2	37	3	6	41	2	36	3	6	1	
	THCS															
7	THCS Trần Quốc Tuấn	1	33	1.385	69	3	60	6	7	61	2	53	6	7	8	
8	THCS Ông Ích Đường	1	11	383	29	2	22	5	0	24	2	17	5	0	4	
	UBND XÃ HÒA TIẾN															
	Mầm non															
1	Mầm Non Hòa Tiến 1	2	16	412	37	3	32	2	2	36	3	31	2	2	1	
2	Mầm Non Hòa Tiến 2	3	19	500	46	3	41	2	2	44	3	40	1	2	2	

STT	TÊN TRƯỞNG	Số điểm trường (bao gồm điểm trường chính và các điểm trường lẻ)	Số lớp (thống kê số dự kiến của năm học 2026-2027)	Số học sinh (thống kê số dự kiến của năm học 2026-2027)	BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC ĐƯỢC GIAO				Số lượng hợp đồng lao động được giao theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP) (báo cáo số liệu theo Nghị quyết 41/NQ-HĐND ngày 29/6/2026)	VIÊN CHỨC HIỆN CÓ				HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG HIỆN CÓ		Ghi chú
					Tổng	Viên chức quản lý	Viên chức giáo viên (bao gồm tổng phụ trách đội)	Viên chức khác (kế toán, thủ quỹ, văn thư, y tế, quản trị công sở, thư viện, thiết bị, giáo vụ, ...)		Tổng	Viên chức quản lý	Viên chức giáo viên (bao gồm tổng phụ trách đội)	Viên chức khác (kế toán, thủ quỹ, văn thư, y tế, quản trị công sở, thư viện, thiết bị, giáo vụ, ...)	HĐLĐ theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP) (không thống kê HĐLĐ hỗ trợ, phục vụ)	HĐLĐ trong chỉ tiêu số lượng người làm việc được giao	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
3	Mầm Non Hòa Khương	2	21	580	49	3	44	2	0	48	3	43	2	0	1	
	Tiểu học															
4	Tiểu học số 1 Hòa Tiến	1	31	1.036	55	3	47	5	2	52	3	45	4	2	3	
5	Tiểu học số 2 Hòa Tiến	1	34	1.263	57	3	49	5	4	55	2	49	4	4	2	
6	Tiểu học Hòa Khương	1	20	615	35	2	30	3	2	32	2	27	3	2	2	
7	Tiểu học Hòa Khương 2	1	20	609	36	2	31	3	1	32	2	29	1	1	4	
	THCS															
8	Trung học cơ sở Nguyễn Phú Hường	1	45	1.935	80	3	71	6	17	71	3	63	5	17	9	
9	Trung học cơ sở Đỗ Thúc Tịnh	1	26	1.064	48	2	41	5	9	43	2	36	5	9	5	
	UBND XÃ BÀ NÀ															
	Mầm non															
1	Mầm non Hòa Nhon	4	24	643	51	3	46	2	4	50	3	45	2	1	0	
2	Mầm non Hòa Ninh	2	13	330	31	3	26	2	2	26	3	21	2	1	5	
	Tiểu học															
3	Tiểu học số 1 Hòa Nhon	2	34	1.090	57	3	50	4	4	50	3	47	0	3	4	
4	Tiểu học số 2 Hòa Nhon	2	16	435	29	2	24	3	2	25	1	21	3	1	3	
5	Tiểu học Hòa Ninh	2	20	633	35	2	30	3	2	27	2	23	2	0	8	
	THCS															
6	THCS Phạm Văn Đồng	1	30	1.302	56	3	48	5	10	47	3	40	4	9	6	
7	THCS Nguyễn Viết Xuân	1	13	533	30	2	23	5	3	26	2	19	5	2	4	
	UBND XÃ NÚI THANH															
	Mầm non															
1	MG Bình Minh	2	13	365	31	3	26	2	0	31	3	26	2	0	0	
2	MG Hoa Phương Đỏ	2	10	285	23	3	18	2	3	21	2	17	2	3	2	
3	MG Vàng Anh	2	12	373	29	3	24	2	0	28	3	23	2	0	1	
4	MG Sơn Ca	3	13	413	31	3	26	2	0	31	3	26	2	0	0	
5	MG Sao Mai	1	7	228	18	2	14	2	0	16	1	13	2	0	2	
	Tiểu học															
6	TH Phạm Văn Đồng	1	20	637	34	2	29	3	2	28	1	24	3	2	6	
7	TH Nguyễn Trường Tộ	1	15	427	26	2	21	3	2	23	1	19	3	2	3	
8	TH Võ Thị Sáu	1	20	674	34	2	29	3	2	34	2	29	3	2	0	
9	TH Lê Quý Đôn	1	25	831	41	2	36	3	3	39	2	34	3	3	2	
10	TH Trần Quốc Toàn	2	35	1.221	58	3	51	4	3	55	2	49	4	3	3	
11	TH Lê Thị Hồng Gấm	1	14	373	25	2	20	3	2	23	2	18	3	2	2	
12	TH Lê Hồng Phong	2	21	679	34	2	29	3	3	33	2	29	2	3	1	
13	TH Hùng Vương	2	30	925	48	3	41	4	4	40	3	33	4	4	8	
	THCS															
14	THCS Trần Cao Vân	1	25	981	46	2	40	4	9	44	2	38	4	9	2	
15	THCS Lê Lợi	1	17	731	35	2	29	4	4	31	2	25	4	4	4	
16	THCS Phan Châu Trinh	1	12	503	29	2	23	4	1	27	2	21	4	1	2	
17	THCS Trần Hưng Đạo	1	21	855	46	2	40	4	1	43	2	37	4	1	3	
18	THCS Kim Đồng	1	35	1.445	61	3	54	4	14	59	3	52	4	14	2	
	UBND XÃ TAM MỸ															
	Mầm non															
1	Mẫu giáo Hoa Hồng	4	10	205	19	3	14	2	5	19	3	14	2	5	0	
2	Mẫu giáo Hướng Dương	1	8	197	21	3	16	2	1	21	3	16	2	1	0	
3	Mẫu giáo Phong Lan	3	5	112	17	3	12	2	1	14	3	10	1	1	3	
	Tiểu học															
4	Tiểu học Đinh Bộ Lĩnh	3	20	618	34	3	28	3	6	29	3	23	3	6	5	
5	Tiểu học Hoàng Hoa Thám	3	16	399	30	2	25	3	4	25	2	20	3	4	5	
6	Tiểu học Nguyễn Du	3	15	317	28	2	23	3	5	20	2	15	3	5	8	
	THCS															
7	THCS Lê Văn Tâm	1	11	390	25	2	19	4	6	22	2	16	4	6	3	

STT	TÊN TRƯỜNG	Số điểm trường (bao gồm điểm trường chính và các điểm trường lẻ)	Số lớp (thống kê số dự kiến của năm học 2026-2027)	Số học sinh (thống kê số dự kiến của năm học 2026-2027)	BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC ĐƯỢC GIAO				Số lượng hợp đồng lao động được giao theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP) (báo cáo số liệu theo Nghị quyết 41/NQ-HĐND ngày 29/6/2026)	VIÊN CHỨC HIỆN CÓ				HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG HIỆN CÓ		Ghi chú
					Tổng	Trong đó				Tổng	Trong đó			HĐLĐ theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP) (không thống kê HĐLĐ hỗ trợ, phục vụ)	HĐLĐ trong chỉ tiêu số lượng người làm việc được giao	
						Viên chức quản lý	Viên chức giáo viên (bao gồm tổng phụ trách đội)	Viên chức khác (kế toán, thủ quỹ, văn thư, y tế, quản trị công sở, thư viện, thiết bị, giáo vụ, ...)			Viên chức quản lý	Viên chức giáo viên (bao gồm tổng phụ trách đội)	Viên chức khác (kế toán, thủ quỹ, văn thư, y tế, quản trị công sở, thư viện, thiết bị, giáo vụ, ...)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
8	THCS Nguyễn Trãi	1	13	536	31	2	25	4	4	27	2	21	4	4	4	
9	THCS Nguyễn Duy Hiệu	1	8	285	21	2	15	4	4	15	1	12	2	4	6	
	UBND XÃ TAM ANH															
	Mầm non															
1	Mẫu giáo Anh Dương	5	12	325	27	3	22	2	3	27	3	22	2	3	0	
2	Mẫu giáo Mãng Non	2	8	260	16	2	12	2	3	16	2	12	2	3	0	
3	Mẫu giáo Tuổi Thơ	2	9	282	23	3	18	2	2	23	3	18	2	2	0	
	Tiểu học															
4	Tiểu học Nguyễn Hiền	3	32	1.045	53	3	46	4	5	44	2	38	4	5	9	
5	Tiểu học Trần Đại Nghĩa	3	26	818	47	3	41	3	2	43	3	38	2	2	4	
6	Tiểu học Trần Văn Ôn	2	20	626	33	2	28	3	3	26	2	21	3	3	7	
	THCS															
7	THCS Huỳnh Thúc Kháng	1	16	655	31	2	25	4	7	27	2	21	4	7	4	
8	THCS Lương Thế Vinh	1	12	467	27	2	21	4	3	26	2	20	4	3	1	
9	THCS Nguyễn Khuyến	1	20	821	39	2	33	4	6	37	2	31	4	6	2	
	UBND XÃ ĐỨC PHÚ															
	Mầm non															
1	Mẫu giáo Sóc Nâu	3	6	142	16	3	11	2	1	15	3	10	2	0	1	
2	Mẫu giáo Vành Khuyên	3	6	130	16	2	12	2	1	16	2	12	2	0	0	
	Tiểu học															
3	Tiểu học Hoàng Văn Thụ	4	14	269	31	3	25	3	2	26	3	20	3	0	5	
4	Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai	3	14	291	29	2	24	3	2	23	2	18	3	2	4	
	THCS															
5	THCS Quang Trung	1	8	311	23	2	16	5	2	22	2	15	5	0	1	
6	THCS Hoàng Diệu	1	8	297	22	2	16	4	1	17	2	11	4	0	5	
	UBND XÃ TAM XUÂN															
	Mầm non															
1	Mẫu giáo Trúc Đào	3	13	350	26	3	21	2	5	28	3	23	2	0	0	
2	Mẫu giáo Hoa Sen	4	13	350	31	3	26	2	4	28	3	23	2	0	0	
3	Mẫu giáo Trùng Dương	4	13	358	29	3	24	2	4	29	3	24	2	0	0	
	Tiểu học															
4	Tiểu học Ngõ Mây	2	14	380	24	2	19	3	4	23	2	18	3	0	0	
5	Tiểu học Nguyễn Chí Thanh	3	19	577	33	2	28	3	2	31	2	26	3	0	0	
6	Tiểu học Lý Tự Trọng	1	18	544	29	2	24	3	3	29	2	24	3	0	0	
7	Tiểu học Lê Văn Tám	2	16	469	29	2	24	3	2	27	2	22	3	0	0	
8	Tiểu học Đỗ Thế Cháp	2	15	428	28	2	23	3	3	25	2	20	3	0	0	
9	Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	2	21	671	35	2	30	3	4	29	2	24	3	0	0	
	THCS															
10	THCS Phan Bá Phiến	1	19	754	37	2	31	4	7	37	2	31	4	0	0	
11	THCS Chu Văn An	1	17	675	35	2	29	4	5	34	2	28	4	0	0	
12	THCS Lý Thường Kiệt	1	24	1.025	46	2	40	4	8	46	2	40	4	0	0	
	UBND XÃ TAM HẢI															
	Mầm non															
1	Trường Mầm Non sao Biển	2	8	212	21	3	16	2	0	21	3	16	2	0	0	
	Tiểu học															
2	Trường Tiểu Học Trần Phú	2	16	420	30	2	25	3	0	26	2	21	3	0	4	
	THCS															
3	Trường THCS Trần Quý Cáp	1	11	284	28	2	22	4	1	24	2	18	4	1	3	
	UBND XÃ TÂY HỒ															
	Mầm non															
1	Mẫu Giáo Tây Hồ	1	8	200	20	2	16	2	0	20	2	16	2	0	0	
2	Mẫu Giáo Hòa Mĩ	2	8	225	20	2	16	2	0	20	2	16	2	0	0	
3	Mẫu Giáo Tuổi Thơ	1	7	215	18	2	14	2	0	15	1	12	2	0	2	

STT	TÊN TRƯỜNG	Số điểm trường (bao gồm điểm trường chính và các điểm trường lẻ)	Số lớp (thống kê số dự kiến của năm học 2026-2027)	Số học sinh (thống kê số dự kiến của năm học 2026-2027)	BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC ĐƯỢC GIAO				Số lượng hợp đồng lao động được giao theo Nghị định số 235/2026/ND-CP) (báo cáo số liệu theo Nghị quyết 41/NQ-HĐND ngày 29/6/2026)	VIÊN CHỨC HIỆN CÓ				HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG HIỆN CÓ		Ghi chú
					Tổng	Trong đó				Tổng	Trong đó			HDLĐ theo Nghị định số 235/2026/ND-CP) (không thống kê HDLĐ hỗ trợ, phục vụ)	HDLĐ trong chỉ tiêu số lượng người làm việc được giao	
						Viên chức quản lý	Viên chức giáo viên (bao gồm tổng phụ trách đội)	Viên chức khác (kế toán, thủ quỹ, văn thư, y tế, quản trị công sở, thư viện, thiết bị, giáo vụ, ...)			Viên chức quản lý	Viên chức giáo viên (bao gồm tổng phụ trách đội)	Viên chức khác (kế toán, thủ quỹ, văn thư, y tế, quản trị công sở, thư viện, thiết bị, giáo vụ, ...)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
4	Mẫu Giáo Anh Thơ	1	6	210	17	3	12	2	0	17	3	12	2	0	0	
	Tiểu học															
5	Tiểu học Nguyễn Trãi	2	21	608	37	2	32	3	1	36	2	31	3	1	1	
6	Tiểu học Phan Đình Phùng	2	21	664	38	2	33	3	1	35	2	30	3	1	3	
7	Tiểu học Lê Lợi	2	18	531	34	2	29	3	0	32	2	27	3	0	2	
8	Tiểu học Nguyễn Huệ	1	15	529	30	2	25	3	0	28	2	23	3	0	1	
	THCS															
9	THCS Phan Châu Trinh	1	14	530	35	2	29	4	0	33	2	27	4	0	2	
10	THCS Nguyễn Bình Khiêm	1	13	531	33	2	27	4	0	29	2	23	4	0	4	
11	THCS Lương Thế Vinh	1	12	397	30	2	24	4	1	30	2	24	4	1	0	
12	THCS Tam Lộc	1	12	466	30	2	24	4	1	27	1	22	4	1	2	
	UBND XÃ CHIẾN ĐÀN															
	Mầm non															
1	Trường MG Anh Đào	1	7	182	18	2	14	2	0	18	2	14	2	0	0	
2	Trường MG Hướng Dương	1	6	135	16	2	12	2	0	16	2	12	2	0	0	
3	Trường MG Ánh Dương	1	7	175	18	2	14	2	0	17	2	13	2	0	1	
4	Trường MG Hoa Sen	1	8	186	19	2	15	2	1	19	2	15	2	1	0	
	Tiểu học															
5	Trường TH Kim Đồng	1	20	671	36	2	30	4	0	35	2	30	3	0	0	
6	Trường TH Lê Văn Tám	1	11	325	22	2	17	3	1	19	2	14	3	1	3	
7	Trường TH Nguyễn Duy Hiệu	1	15	507	29	2	24	3	0	29	2	24	3	0	0	
8	Trường TH Võ Thị Sáu	2	27	854	50	3	43	4	0	50	3	43	4	0	0	
	THCS															
9	Trường THCS Phan Tây Hồ	1	17	660	40	2	34	4	2	39	2	33	4	2	1	
10	Trường THCS Nguyễn Hiến	1	20	812	43	2	37	4	4	39	2	33	4	4	5	
11	Trường THCS Trần Phú	1	16	640	38	2	32	4	2	35	2	29	4	2	3	
	UBND XÃ PHÚ NINH															
	Mầm non															
1	Trường MG Bình Minh	1	6	120	16	2	12	2	0	15	2	11	2	0	1	
2	Trường MG Ánh Hồng	1	9	266	23	2	19	2	0	22	2	18	2	0	0	
3	Trường MG Hoa Mai	1	5	119	14	2	10	2	0	14	2	10	2	0	0	
	Tiểu học															
4	Trường TH Lê Hoàn	2	30	965	54	3	46	5	0	52	3	45	4	0	2	
5	Trường TH Thái Phiên	2	12	355	24	2	19	3	0	23	2	18	3	0	1	
6	Trường TH Trần Quốc Toàn	1	12	374	27	2	22	3	0	24	2	19	3	0	3	
	THCS															
7	Trường THCS Chu Văn An	1	12	456	31	2	25	4	0	23	2	17	4	0	7	
8	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	1	22	889	49	2	43	4	0	45	2	39	4	0	3	
	UBND XÃ LÃNH NGỌC															
	Mầm non															
1	Mẫu giáo Tiên Hiệp	2	6	123	16	2	12	2	1	16	2	12	2		0	
2	Mẫu giáo Tiên Lãnh	1	10	215	25	3	20	2	2	24	3	20	1		1	
3	Mẫu giáo Tiên Ngọc	2	5	113	16	2	12	2	1	15	2	12	1		1	
	Tiểu học															
4	Tiểu học Tiên Hiệp	2	10	321	26	2	21	3	1	25	2	21	2		1	
5	Tiểu học Tiên Lãnh	2	19	580	38	3	32	3	2	28	3	22	3		10	
	THCS															
6	Quang Trung	1	9	312	24	2	19	3	2	21	1	17	3	2	3	
7	Nguyễn Văn Trỗi	1	14	460	34	2	30	2	1	24	2	20	2	1	10	
	TH và THCS															
8	TH-THCS Trần Quốc Toàn	1	17	492	37	3	32	2	2	29	3	25	1	1	8	
	UBND XÃ TIỀN PHƯỚC															
	Mầm non															

STT	TÊN TRƯỜNG	Số điểm trường (bao gồm điểm trường chính và các điểm trường lẻ)	Số lớp (thống kê số dự kiến của năm học 2026-2027)	Số học sinh (thống kê số dự kiến của năm học 2026-2027)	BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC ĐƯỢC GIAO				Số lượng hợp đồng lao động được giao theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP) (báo cáo số liệu theo Nghị quyết 41/NQ-HĐND ngày 29/6/2026)	VIÊN CHỨC HIỆN CÓ				HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG HIỆN CÓ		Ghi chú
					Tổng	Trong đó				Tổng	Trong đó			HDLĐ theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP) (không thống kê HDLĐ hỗ trợ, phục vụ)	HDLĐ trong chỉ tiêu số lượng người làm việc được giao	
						Viên chức quản lý	Viên chức giáo viên (bao gồm tổng phụ trách đội)	Viên chức khác (kế toán, thủ quỹ, văn thư, y tế, quản trị công sở, thư viện, thiết bị, giáo vụ, ...)			Viên chức quản lý	Viên chức giáo viên (bao gồm tổng phụ trách đội)	Viên chức khác (kế toán, thủ quỹ, văn thư, y tế, quản trị công sở, thư viện, thiết bị, giáo vụ, ...)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	Trường Mầm non Bình Minh	1	16	400	37	3	32	2	4	36	3	31	2	0	0	
2	Trường Mẫu giáo Mầm Xanh	1	7	170	20	2	16	2	0	19	2	15	2	0	0	
3	Trường Mẫu giáo Hướng Dương	1	6	140	18	2	14	2	0	17	2	13	2	0	0	
4	Trường Mẫu giáo Anh Dương	1	8	192	19	2	16	1	1	19	2	16	1	1	0	
Tiểu học																
5	Trường Tiểu học Kim Đồng	1	30	1.062	50	3	44	3	5	45	3	39	3	0	0	
6	Trường Tiểu học Tiên Phước	1	11	327	23	2	18	3	3	20	2	15	3	0	0	
7	Trường Tiểu học Trần Huỳnh	1	15	453	29	2	25	2	3	29	2	25	2	1	0	
8	Trường Tiểu học Lê Duy Đình	1	12	345	25	2	20	3	2	19	2	14	3	0	0	
THCS																
9	Trường THCS Lý Tự Trọng	1	25	909	51	3	46	2	8	42	3	37	2	0	1	
10	Trường THCS Võ Thị Sáu	1	10	325	27	2	23	2	1	25	2	21	2	0	0	
11	Trường THCS Trần Ngọc Sương	1	11	379	29	2	24	3	1	25	2	20	3	0	0	
12	Trường THCS Lê Văn Tám	1	8	300	21	2	16	3	3	18	1	14	3	0	0	
UBND XÃ THANH BÌNH																
Mầm non																
1	Mẫu giáo Tiên Cảnh	3	13	306	31	3	26	2	2	28	3	24	1		2	
2	Mẫu giáo Tiên An	3	6	125	18	2	14	2	2	18	2	14	2			
3	Mẫu giáo Tiên Lộc	1	6	133	16	2	12	2	2	16	2	12	2			
4	Mẫu Giáo Tiên Lập	3	6	140	18	2	14	2	2	16	2	12	2			
Tiểu học																
5	Tiểu học Minh Viên	3	23	685	44	3	38	3	2	38	2	32	4			
6	Tiểu học Tiên An	1	14	351	28	2	23	3	2	22	1	19	2			
7	Tiểu học Tiên Lộc	1	11	305	20	2	16	2	2	17	2	13	2			
8	Tiểu học Tiên Lập	1	11	313	23	2	19	2	2	23	2	19	2			
THCS																
9	THCS Lê Thị Hồng Gấm	1	14	497	30	3	24	3	1	26	1	22	3			
10	THCS Nguyễn Việt Xuân	1	10	238	22	2	17	3	1	20	1	16	3			
11	THCS Lê Đình Chính	1	8	272	21	2	16	3	1	20	2	15	3			
12	THCS Lê Quý Đôn	1	8	226	21	2	16	3	2	17	2	13	2			
UBND XÃ SƠN CẨM HÀ																
Mầm non																
1	Mẫu giáo Tiên Châu	2	7	154	18	2	14	2		18	2	14	2			
2	Mẫu giáo Tuổi Thơ	2	7	143	23	3	18	2		23	3	18	2			
3	Mẫu giáo Tiên Hà	2	6	119	17	2	13	2		17	2	13	2			
Tiểu học																
4	TH Nguyễn Có	2	13	307	27	2	22	3	1	19	2	15	2	1	8	
5	TH Nguyễn Bá Ngọc	1	10	208	22	2	17	3	1	19	2	14	3	1	3	
6	TH Tiên Châu	2	13	393	28	2	23	3	0	24	2	19	3		4	
THCS																
7	THCS Lê Cơ	1	8	196	20	2	14	4	1	16	2	11	3	1	4	
8	THCS Lê Hồng Phong	1	8	259	22	1	18	3	1	19	2	14	3	1	3	
9	THCS Nguyễn Trãi	1	10	340	24	2	19	3	2	21	2	16	3	2	3	
TH và THCS																
10	TH&THCS Nguyễn Du	2	16	376	37	3	31	3		32	2	27	3		5	
UBND XÃ TRÀ LIÊN																
Mầm non																
1	Mẫu giáo Hương Sen	2	5	97	14	2	10	2		14	2	10	2			
2	Mẫu giáo Hương Trà	3	5	118	14	2	10	2		14	2	10	2			
3	Mẫu giáo Sơn Ca	3	6	90	16	2	12	2		15	2	11	2			
Tiểu học																
4	Lê Quý Đôn	2	10	242	21	2	16	3		21	2	16	3			
THCS																

STT	TÊN TRƯỞNG	Số điểm trường (bao gồm điểm trường chính và các điểm trường lẻ)	Số lớp (thống kê số dự kiến của năm học 2026-2027)	Số học sinh (thống kê số dự kiến của năm học 2026-2027)	BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC ĐƯỢC GIAO				Số lượng hợp đồng lao động được giao theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP) (báo cáo số liệu theo Nghị quyết 41/NQ-HĐND ngày 29/6/2026)	VIÊN CHỨC HIỆN CÓ				HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG HIỆN CÓ		Ghi chú
					Tổng	Trong đó				Tổng	Trong đó			HĐLĐ theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP) (không thống kê HĐLĐ hỗ trợ, phục vụ)	HĐLĐ trong chỉ tiêu số lượng người làm việc được giao	
						Viên chức quản lý	Viên chức giáo viên (bao gồm tổng phụ trách đội)	Viên chức khác (kế toán, thủ quỹ, văn thư, y tế, quản trị công sở, thư viện, thiết bị, giáo vụ, ...)			Viên chức quản lý	Viên chức giáo viên (bao gồm tổng phụ trách đội)	Viên chức khác (kế toán, thủ quỹ, văn thư, y tế, quản trị công sở, thư viện, thiết bị, giáo vụ, ...)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
5	Phượng Đông	1	6	195	18	2	12	4		18	2	12	4			
	TH và THCS															
6	PTDTBT TH&THCS Trần Phú	1	14	353	35	3	27	5		35	3	27	5			
7	PTDTBT TH&THCS Trà Nủ	3	13	313	31	2	25	4		31	2	25	4			
	UBND XÃ TRÀ GIÁP															
	Mầm non															
1	Trường Mầm giáo Sơn Trà	6	9	245	20	2	17	1	5	20	2	17	1	3	4	
2	Trường Mầm giáo Măng Non	5	7	132	18	2	15	1	2	18	2	15	1	0	3	
	Tiểu học															
3	Trường PTDTBT TH Trà Giáp	5	22	480	41	3	34	4	3	41	3	34	4	1	5	
	THCS															
4	Trường PTDTBT THCS Chu Huy Mân	1	10	312	28	3	21	4	3	28	3	21	4	1	3	
	TH và THCS															
5	Trường PTDTBT TH&THCS Võ Thị S	4	17	378	36	3	29	4	4	36	3	29	4	2	3	
	UBND XÃ TRÀ TÂN															
	Mầm non															
1	Trường Mầm Giáo Ánh Dương	4	7	164	19	2	15	2	0	19	2	15	2	0	0	
2	Trường Mầm Giáo Vĩnh Khuyển	7	9	172	21	2	16	3	2	19	2	16	1	2	0	
	Tiểu học															
3	Trường Tiểu học Nguyễn Viết Xuân	3	13	292	24	2	19	3	2	24	2	19	3	0	0	
4	Trường PTDTBT TH Trần Cao Văn	3	16	352	34	3	27	4	1	32	3	25	4	1	0	
	THCS															
5	Trường PTDTBT THCS Lý Tự Trọng	1	8	294	23	3	17	3	1	23	3	17	3	1	0	
6	Trường THCS 19.8	1	8	242	20	2	15	3	2	19	1	15	3	0	0	
	UBND XÃ TRÀ ĐỐC															
	Mầm non															
1	Trường MG Tuổi Thơ	7	11	228	17	3	13	1	6	17	3	13	1	6	3	
2	Trường MG Tuổi Hồng	5	7	157	19	2	15	2		19	2	15	2			
3	Trường MG Hoa Phượng	8	12	249	29	2	25	2		29	2	25	2			
	Tiểu học															
4	Trường PTDTBT TH Trà Bui	5	19	460	34	2	29	3	1	35	3	29	3	1		
5	Trường PTDTBT TH Nông Văn Dền	5	19	362	38	3	30	5	1	37	3	29	5	1		
6	Trường PTDTBT TH Nguyễn Thị Mìn	3	17	412	32	3	26	3	1	31	3	25	3	1		
	THCS															
7	Trường PTDTBT THCS Nguyễn Bình	1	19	701	49	3	42	4	1	49	3	42	4	1		
8	Trường PTDTBT THCS Lê Hồng Phos	1	8	288	26	3	19	4		25	3	18	4			
	UBND XÃ TRÀ MỸ															
	Mầm non															
1	Phong Lan	1	10	240	26	3	21	2		26	3	21	2		26	
2	Vàng Anh	1	6	155	17	2	14	1		17	2	14	1		17	
3	Hoa Hồng	3	8	139	21	2	17	2		21	2	17	2		21	
4	Hoa Mí	4	8	175	21	3	17	1		21	3	17	1		21	
5	Hướng Dương	5	7	138	19	3	14	2		19	3	14	2		19	
	Tiểu học															
6	Kim Đồng	1	27	883	54	3	47	4		54	3	47	4		54	
7	Lê Văn Tám	2	13	277	27	2	21	4		27	2	21	4		27	
8	Trần Quốc Toàn	2	14	289	28	2	23	3		28	2	23	3		28	
9	Nguyễn Bá Ngọc	2	16	320	32	2	27	3		32	2	27	3		32	
	THCS															
10	Nguyễn Du	1	19	745	41	2	36	3		41	2	36	3		41	
11	Nguyễn Huệ	1	8	232	21	2	16	3	1	21	2	16	3	1	21	
12	Huỳnh Thúc Kháng	1	8	232	22	2	16	4	1	22	2	16	4	1	22	
13	Nguyễn Văn Trỗi	1	8	248	21	2	15	4	1	21	2	15	4	1	21	

STT	TÊN TRƯỜNG	Số điểm trường (bao gồm điểm trường chính và các điểm trường lẻ)	Số lớp (thống kê số dự kiến của năm học 2026-2027)	Số học sinh (thống kê số dự kiến của năm học 2026-2027)	BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC ĐƯỢC GIAO				Số lượng hợp đồng lao động được giao theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP) (báo cáo số liệu theo Nghị quyết 41/NQ-HĐND ngày 29/6/2026)	VIÊN CHỨC HIỆN CÓ				HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG HIỆN CÓ		Ghi chú
					Tổng	Trong đó				Tổng	Trong đó			HDLĐ theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP) (không thống kê HDLĐ hỗ trợ, phục vụ)	HDLĐ trong chỉ tiêu số lượng người làm việc được giao	
						Viên chức quản lý	Viên chức giáo viên (bao gồm tổng phụ trách đội)	Viên chức khác (kế toán, thủ quỹ, văn thư, y tế, quản trị công sở, thư viện, thiết bị, giáo vụ, ...)			Viên chức quản lý	Viên chức giáo viên (bao gồm tổng phụ trách đội)	Viên chức khác (kế toán, thủ quỹ, văn thư, y tế, quản trị công sở, thư viện, thiết bị, giáo vụ, ...)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	UBND XÃ NAM TRÀ MY															
	Mầm non															
1	Mầm non Hoa Mai	8	19	420	37	2	33	2	2	16	2	14		2	21	
2	Mẫu giáo Sơn Ca	4	7	156	19	2	15	2		16	2	11	3		2	
	Tiểu học															
3	Trường Tiểu học Kim Đồng	5	23	650	42	3	36	3	1	20	2	18	0	0	21	
4	Trường PTDTBT TH Vừ A Dính THCS	4	12	318	25	2	20	3	0	18	2	15	1	0	7	
5	Trường THCS Trà Mai	1	10	370	26	2	20	4	1	16	2	11	3	1	7	
6	Trường PTDTBT THCS Trà Don	1	7	195	24	3	17	4	1	19	2	13	4	1	2	
	UBND XÃ TRÀ TẬP															
	Mầm non															
1	Mẫu giáo Phong Lan	10	12	296	28	3	23	2	4	17	3	13	1	4	7	
2	Trường MG Anh Đào	10	13	308	31	2	26	3	4	11	2	8	1	4	14	
	Tiểu học															
3	Trường PTDTBT TH Chu Văn An	10	20	453	33	2	28	3	4	24	2	20	2	4	9	
4	Trường PTDTBT TH Lê Lợi THCS	10	27	649	45	2	40	3	4	24	2	21	1	4	20	
5	Trường PTDTBT THCS Võ Nguyên Giáp	1	10	359	27	2	21	4	4	22	2	17	3	4	5	
6	Trường PTDTBT THCS Nguyễn Trãi	1	11	388	30	3	23	4	4	22	3	17	2	4	6	
	UBND XÃ TRÀ VÂN															
	Mầm non															
1	Mẫu giáo Họa Mi	6	10	219	21	3	16	2	2	13	2	11	0	0	7	
2	Mẫu giáo Vành Khuyên	4	7	153	17	2	13	2	2	8	2	6	0	0	6	
	Tiểu học															
3	Trường PTDTBT Tiểu học Trà Vân THCS	5	16	382	33	3	27	3	2	25	3	20	2	0	7	
4	Trường PTDTBT THCS Trà Vân TH và THCS	1	8	263	26	3	18	5	3	16	2	12	2	0	7	
5	Trường PTDTBT TH&THCS Trà Vân	3	18	473	39	3	32	4	4	17	2	13	2	0	21	
	UBND XÃ TRÀ LINH															
	Mầm non															
1	Trường Mẫu giáo Trà Linh	6	11	284	20	3	15	2	1	11	2	9	0	0	4	
2	Trường Mẫu giáo Trà Nam	8	11	216	24	3	19	2	1	15	2	11	2	0	5	
	Tiểu học															
3	Trường PTDTBT Tiểu học Ngọc Linh THCS	3	15	401	30	3	24	3	1	22	3	17	2	0	8	
4	Trường PTDTBT THCS Trà Linh TH và THCS	1	7	236	24	3	17	4	2	15	2	11	2	0	7	
5	Trường PTDTBT TH&THCS Trà Nam	1	13	350	31	3	24	4	2	21	3	14	4	0	10	
6	Trường PTDTBT TH&THCS Long Tử	3	17	442	34	3	27	4	2	23	2	20	1	2	9	
	UBND XÃ TRÀ LENG															
	Mầm non															
1	Trường Mẫu giáo Trà Leng 1	8	10	244	22	3	17	2	5	10	2	8	0	2	8	
2	Trường mẫu giáo Trà Leng 2	8	10	208	21	3	16	2	6	12	2	9	1	3	4	
	Tiểu học															
3	Trường PTDTBT TH Trà Leng 1	11	22	503	39	3	33	3	1	26	2	22	2	2	12	
4	Trường PTDTBT TH Trà Leng 2 THCS	2	17	450	31	3	25	3	2	22	3	18	1	2	5	
	THCS															
5	Trường PTDTBT THCS Trà Leng 1	1	12	414	32	3	25	4	3	24	3	19	2	2	7	
6	Trường PTDTBT THCS Trà Leng 2	1	9	286	26	3	19	4	3	15	3	10	2	2	10	
	UBND XÃ THẮNG BÌNH															
	Mầm non															

STT	TÊN TRƯỜNG	Số điểm trường (bao gồm điểm trường chính và các điểm trường lẻ)	Số lớp (thống kê số dự kiến của năm học 2026-2027)	Số học sinh (thống kê số dự kiến của năm học 2026-2027)	BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC ĐƯỢC GIAO				Số lượng hợp đồng lao động được giao theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP) (báo cáo số liệu theo Nghị quyết 41/NQ-HĐND ngày 29/6/2026)	VIÊN CHỨC HIỆN CÓ				HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG HIỆN CÓ		Ghi chú
					Tổng	Trong đó				Tổng	Trong đó			HDLĐ theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP) (không thống kê HDLĐ hỗ trợ, phục vụ)	HDLĐ trong chỉ tiêu số lượng người làm việc được giao	
						Viên chức quản lý	Viên chức giáo viên (bao gồm tổng phụ trách đội)	Viên chức khác (kế toán, thủ quỹ, văn thư, y tế, quản trị công sở, thư viện, thiết bị, giáo vụ, ...)			Viên chức quản lý	Viên chức giáo viên (bao gồm tổng phụ trách đội)	Viên chức khác (kế toán, thủ quỹ, văn thư, y tế, quản trị công sở, thư viện, thiết bị, giáo vụ, ...)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	Trường MG Bình Quý	1	9	251	27	2	23	2	0	24	2	20	2	2	2	
2	Trường MG Hà Lam	2	13	356	34	3	29	2	2	32	3	27	2	2	2	
3	Trường MG Bình Nguyên	1	7	183	22	2	18	2	1	19	2	15	2	2	2	
4	Trường MG Bình Phúc	2	8	210	26	3	21	2	1	22	3	17	2	4	4	
5	Trường MN Hương Sen	1	11	320	30	3	25	2	3	27	3	22	2	3	3	
Tiểu học																
6	Trường TH Kim Đồng	1	25	829	43	1	39	3	3	38	1	34	3	5	5	
7	Trường TH Trần Quốc Toàn	1	15	473	28	2	23	3	1	26	2	21	3	3	3	
8	Trường TH Lương Thế Vinh	1	21	652	35	2	30	3	1	32	2	27	3	4	4	
9	Trường TH Trưng Vương	2	21	686	36	2	31	3	1	34	2	29	3	2	2	
10	Trường TH Nguyễn Khuyến	2	13	344	31	2	26	3	0	27	2	22	3	2	2	
11	Trường TH Nguyễn Thành	3	15	341	28	2	23	3	1	26	2	21	3	3	3	
12	Trường TH Nguyễn Trãi	3	24	679	41	2	36	3	5	34	2	30	2	7	8	
THCS																
13	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	1	16	617	31	2	26	3	3	29	2	24	3	3	4	
14	Trường THCS Lê Quý Đôn	1	35	1.520	69	3	61	5	4	67	3	59	5	4	4	
15	Trường THCS Trần Quý Cáp	1	16	601	36	1	31	4	0	34	1	29	4	1	1	
16	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	1	12	444	24	1	19	4	4	22	1	17	4	5	5	
UBND XÃ THẮNG AN																
Mầm non																
1	Mẫu giáo Bình Dương	2	12	338	30	3	25	2	1	26	2	22	2	1	2	
2	Mẫu giáo Bình Minh	2	14	440	34	3	29	2	0	31	3	26	2	0	3	
3	Mẫu giáo Bình Đào	3	12	333	30	3	25	2	0	28	3	23	2	0	2	
4	Mẫu giáo Bình Triều	3	13	359	32	3	27	2	2	28	3	23	2	2	1	
5	Mẫu giáo Bình Giang	2	10	310	25	3	20	2	0	20	1	18	1	0	2	
Tiểu học																
6	Lê Văn Tám	2	24	725	41	2	36	3	2	34	1	31	2	2	5	
7	Nguyễn Văn Cừ	3	30	918	50	3	44	3	2	44	1	40	3	2	2	
8	Nguyễn Thị Minh Khai	3	23	651	39	2	34	3	2	36	2	32	2	2	1	
9	Lê Hồng Phong	2	19	518	34	2	29	3	2	28	2	23	3	2	5	
10	Đoàn Bường	1	15	445	27	2	22	3	2	23	2	18	3	2	2	
11	Cao Bá Quát	3	24	702	40	2	35	3	1	37	2	33	2	1	0	
THCS																
12	Lê Đình Chinh	1	15	574	32	2	26	4	1	28	2	22	4	1	3	
13	Phan Đình Phùng	1	18	709	36	2	30	4	2	32	2	26	4	2	2	
14	Nguyễn Hiền	1	19	790	40	2	34	4	0	36	2	30	4	0	4	
15	Ngô Quyền	1	14	528	30	2	24	4	2	26	2	22	2	2	4	
16	Quang Trung	1	13	533	30	2	24	4	2	28	2	22	4	2	2	
UBND XÃ THẮNG TRƯỜNG																
Mầm non																
1	Trường Mẫu giáo Bình Sa	3	9	228	25	3	20	2	1	22	3	18	1	0	0	
2	Trường Mẫu giáo Bình Nam	3	14	370	36	3	31	2	1	32	3	27	2	0	3	
3	Trường Mẫu giáo Bình Hải	3	9	264	25	3	20	2	2	19	2	15	2	0	5	
Tiểu học																
4	Trường Tiểu học Trần Phú	3	15	362	28	2	23	3	2	23	2	19	2	1	3	
5	Trường Tiểu học Thái Phiên	4	18	466	33	2	28	3	1	27	2	23	2	0	5	
6	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ	3	30	787	50	2	46	2	4	46	2	42	2	2	2	
THCS																
7	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	1	16	572	34	2	28	4	4	31	2	27	2	3	1	
8	Trường THCS Chu Văn An	1	8	304	22	2	16	4	1	19	1	15	3	0	2	
9	Trường THCS Hoàng Diệu	1	10	372	24	2	18	4	3	23	1	18	4	2	0	
UBND XÃ THẮNG ĐIỆN																
Mầm non																

STT	TÊN TRƯỜNG	Số điểm trường (bao gồm điểm trường chính và các điểm trường lẻ)	Số lớp (thống kê số dự kiến của năm học 2026-2027)	Số học sinh (thống kê số dự kiến của năm học 2026-2027)	BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC ĐƯỢC GIAO				Số lượng hợp đồng lao động được giao theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP) (báo cáo số liệu theo Nghị quyết 41/NQ-HĐND ngày 29/6/2026)	VIÊN CHỨC HIỆN CÓ				HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG HIỆN CÓ		Ghi chú
					Tổng	Trong đó				Tổng	Trong đó			HDLD theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP) (không thống kê HDLD hỗ trợ, phục vụ)	HDLD trong chỉ tiêu số lượng người làm việc được giao	
						Viên chức quản lý	Viên chức giáo viên (bao gồm tổng phụ trách đội)	Viên chức khác (kế toán, thủ quỹ, văn thư, y tế, quản trị công sở, thư viện, thiết bị, giáo vụ, ...)			Viên chức quản lý	Viên chức giáo viên (bao gồm tổng phụ trách đội)	Viên chức khác (kế toán, thủ quỹ, văn thư, y tế, quản trị công sở, thư viện, thiết bị, giáo vụ, ...)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	Trường Mẫu giáo Bình Tú	3	16	473	41	3	36	2		37	3	33	1		2	
2	Trường Mẫu giáo Bình Trung	4	14	360	34	3	29	2	1	30	3	25	2	1	5	
3	Trường Mẫu giáo Bình An	3	12	307	30	3	25	2		28	2	24	2		1	
	Tiểu học															
4	Trường Tiểu học Phù Đồng	3	30	838	49	3	43	3	3	43	2	38	3	3	9	
5	Trường Tiểu học Nguyễn Du	2	21	630	37	2	32	3	1	34	2	29	3	1	2	
6	Trường Tiểu học Lê Lai	3	15	392	28	2	23	3	2	24	1	20	3	2	0	
7	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	2	19	538	32	2	27	3		30	2	25	3	0	2	
8	Trường Tiểu học Mạc Đình Chi	2	14	339	27	2	22	3		26	2	21	3	0	1	
	THCS															
9	Trường Trung học cơ sở Lý Thường Kiệt	1	16	620	33	2	28	3	1	32	2	27	3	1	1	
10	Trường Trung học cơ sở Phan Bội Châu	1	21	896	44	2	38	4	1	43	2	37	4	1	0	
11	Trường Trung học cơ sở Phan Châu Tr	1	20	826	44	2	38	4	1	41	2	35	4	1	0	
	UBND XÃ THẮNG PHÚ															
	Mầm non															
1	Mẫu giáo Bình Chánh	1	4	99	14	2	10	2	0	11	2	8	1	0	0	
2	Mẫu giáo Bình Phú	1	4	84	13	2	9	2	1	10	2	7	1	0	1	
3	Mẫu giáo Bình Quê	1	6	168	18	2	14	2	1	16	2	12	2	0	0	
	Tiểu học															
4	Trường TH Trần Hưng Đạo	1	10	250	20	2	15	3	1	14	1	10	3	1	4	
5	Trường TH Lý Tự Trọng	1	14	399	26	2	21	3	1	23	2	18	3	1	0	
	THCS															
6	Trường THCS Lê Lợi	1	8	288	22	2	16	4	1	18	1	14	3	1	1	
7	Trường THCS Nguyễn Tri Phương	1	8	332	22	2	16	4	1	21	1	16	4	0	0	
	TH và THCS															
8	Trường TH&THCS Nguyễn Công Trứ	2	17	487	35	2	29	4	1	32	2	26	4	1	2	
	UBND XÃ ĐÔNG DƯƠNG															
	Mầm non															
1	Trường MG Bình Định Bắc	1	5	115	17	2	13	2		15	2	11	2			
2	Trường Mẫu giáo Bình Trị	1	7	175	20	2	16	2		19	1	16	2			
3	Trường Mẫu giáo Bình Định Nam	1	4	100	14	2	10	2		12	2	9	1		1	
4	Trường MG Bình Lãnh	1	6	165	19	2	15	2		18	2	14	2			
	Tiểu học															
5	Trường TH Đinh Tiên Hoàng	1	10	217	19	2	14	3	1	18	2	13	3	1		
6	Trường TH Nguyễn Văn Trỗi	1	15	422	28	2	23	3		27	2	22	3		1	
7	Trường TH Nguyễn Chí Thanh	1	13	345	27	2	22	3	1	26	2	21	3	1		
	THCS															
8	Trường THCS Nguyễn Bá Ngọc	1	11	364	26	2	20	4		25	2	19	4		1	
9	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	1	8	319	22	2	16	4	1	20	2	15	3	1	1	
	TH và THCS															
10	Trường TH&THCS Nguyễn Duy Hiệu	2	18	536	37	3	31	3		36	2	31	3		1	
	UBND XÃ QUÊ SƠN TRUNG															
	Mầm non															
1	Trường Mẫu giáo Quê Mỹ	4	14	315	35	2	31	2	1	31	2	27	2	1	2	
2	Trường Mẫu giáo Quê Thuận	2	9	198	20	2	16	2	1	17	2	14	1	1	2	
3	Trường Mẫu giáo Quê Hiệp	2	3	93	13	2	10	1	1	13	2	9	2	1	0	
4	Trường Mẫu giáo Quê Châu	2	8	157	23	3	18	2	1	23	3	18	2	1	0	
	Tiểu học															
5	Trường Tiểu học Quê Mỹ	5	30	761	53	3	47	3	0	44	3	38	3	1	7	
6	Trường Tiểu học Quê Thuận	3	15	384	31	2	26	3	0	27	1	23	3	1	0	
7	Trường Tiểu học Quê Hiệp	2	10	206	22	2	17	3	0	17	2	12	3	1	4	
8	Trường Tiểu học Quê Châu	3	20	467	36	2	31	3	0	33	2	28	3	1	3	
	THCS															

STT	TÊN TRƯỞNG	Số điểm trường (bao gồm điểm trường chính và các điểm trường lẻ)	Số lớp (thống kê số dự kiến của năm học 2026-2027)	Số học sinh (thống kê số dự kiến của năm học 2026-2027)	BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC ĐƯỢC GIAO			Số lượng hợp đồng lao động được giao theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP) (báo cáo số liệu theo Nghị quyết 41/NQ-HĐND ngày 29/6/2026)	VIÊN CHỨC HIỆN CÓ			HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG HIỆN CÓ		Ghi chú		
					Tổng	Trong đó			Tổng	Trong đó		HĐLĐ theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP) (không thống kê HĐLĐ hỗ trợ, phục vụ)	HĐLĐ trong chỉ tiêu số lượng người làm việc được giao			
						Viên chức quản lý	Viên chức giáo viên (bao gồm tổng phụ trách đội)			Viên chức khác (kế toán, thủ quỹ, văn thư, y tế, quản trị công sở, thư viện, thiết bị, giáo vụ, ...)	Viên chức quản lý				Viên chức giáo viên (bao gồm tổng phụ trách đội)	Viên chức khác (kế toán, thủ quỹ, văn thư, y tế, quản trị công sở, thư viện, thiết bị, giáo vụ, ...)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
9	Trường Trung học cơ sở Quê Mỹ 1	1	8	287	24	2	18	4	1	20	2	14	4	0	4	
10	Trường Trung học cơ sở Quê Mỹ 2	1	15	543	34	2	28	4	1	32	2	26	4	0	1	
11	Trường Trung học cơ sở Quê Thuận	1	10	377	26	2	20	4	1	26	2	20	4	0	0	
12	Trường Trung học cơ sở Quê Hiệp	1	8	202	22	2	16	4	1	22	2	16	4	0	0	
13	Trường Trung học cơ sở Quê Châu	1	11	403	28	2	22	4	1	27	2	21	4	1	0	
	UBND XÃ QUÊ SƠN															
	Mầm non															
1	Trường Mầm giáo Quê An	1	5	107	14	2	10	2	0	14	2	10	2	0	0	
2	Trường Mầm giáo Quê Minh	1	5	106	14	2	10	2	0	13	2	9	2	0	1	
3	Trường Mầm giáo Quê Phong	1	6	132	16	2	12	2	0	16	2	12	2	0	0	
4	Trường Mầm giáo Quê Long	1	4	87	12	2	8	2	0	11	2	7	2	0	1	
5	Trường Mầm giáo Đông Phú	2	12	294	28	2	24	2	0	29	3	24	2	0	0	
	Tiểu học															
6	Trường Tiểu học Quê An	2	12	293	25	2	20	3	1	23	2	18	3	0	2	
7	Trường Tiểu học Quê Minh	1	10	210	20	2	15	3	3	17	2	12	3	0	3	
8	Trường Tiểu học Quê Phong	3	15	355	29	2	24	3	3	26	1	22	3	0	3	
9	Trường Tiểu học Quê Long	1	10	232	22	2	17	3	2	18	2	14	2	0	3	
10	Trường Tiểu học Đông Phú	2	23	709	40	2	35	3	6	38	2	33	3	0	2	
	THCS															
11	Trường THCS Quê An	1	8	249	24	2	18	4	1	21	2	15	4	0	3	
12	Trường THCS Quê Minh	1	8	222	23	2	17	4	2	20	2	14	4	0	3	
13	Trường THCS Quê Phong	1	9	321	27	2	21	4	1	23	2	17	4	0	3	
14	Trường THCS Quê Long	1	7	196	21	2	15	4	0	17	1	12	4	0	5	
15	Trường THCS Đông Phú	1	17	636	40	2	34	4	3	33	1	28	4	0	7	
	UBND XÃ XUÂN PHÚ															
	Mầm non															
1	Trường MG Quê Xuân 1	2	10	240	25	3	20	2	1	24	3	19	2	1	1	
2	Trường MG Quê Xuân 2	2	7	143	18	2	14	2	1	17	1	14	2	0	1	
3	Trường MG Quê Phú	4	12	297	30	3	24	3	0	28	2	24	2	0	1	
4	Trường MG Hương An	2	10	250	25	3	20	2	1	21	3	16	2	1	4	
	Tiểu học															
5	Trường TH Quê Xuân 1	2	21	623	39	2	33	4	1	35	2	29	4	1	4	
6	Trường TH Quê Xuân 2	2	15	406	28	2	23	3	3	26	2	21	3	1	1	
7	Trường TH Quê Phú	3	20	626	36	2	31	3	3	30	2	25	3	1	7	
8	Trường TH Hương An	2	26	770	42	2	37	3	6	40	2	35	3	2	1	
	THCS															
9	Trường THCS Quê Xuân	1	20	790	44	2	38	4	3	38	2	33	3	2	6	
10	Trường THCS Quê Phú	1	20	859	46	2	40	4	1	41	2	35	4	1	4	
	UBND XÃ NÔNG SƠN															
	Mầm non															
1	Trường Mầm giáo Hướng Dương	3	13	295	27	3	22	2	7	23	2	19	2		4	
2	Trường Mầm giáo Hương Sen	4	9	210	25	3	20	2	2	16	2	12	2		9	
	Tiểu học															
3	Trường Tiểu học Hoàng Diệu	3	30	779	52	3	45	4	7	30	3	23	4		22	
4	Trường Tiểu học Nguyễn Đình Hiến	2	13	276	26	3	20	3	4	20	2	15	3		6	
5	Trường Tiểu học Phạm Phú Thứ	2	12	278	26	3	20	3	4	20	2	15	3		6	
	THCS															
6	Trường THCS Phan Châu Trinh	1	17	634	38	3	32	3	4	30	3	24	3		8	
7	Trường THCS Nguyễn Duy Hiệu	1	13	466	34	3	28	3	2	26	3	19	4		8	
	UBND XÃ QUÊ PHƯỚC															
	Mầm non															
1	Mầm giáo Hoa Mai	6	6	140	18	3	13	2	0	14	3	9	2	0	4	
2	Mầm giáo Phương Hồng	4	6	151	18	3	13	2	0	15	3	10	2	0	3	

STT	TÊN TRƯỞNG	Số điểm trường (bao gồm điểm trường chính và các điểm trường lẻ)	Số lớp (thống kê số dự kiến của năm học 2026-2027)	Số học sinh (thống kê số dự kiến của năm học 2026-2027)	BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC ĐƯỢC GIAO				Số lượng hợp đồng lao động được giao theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP) (báo cáo số liệu theo Nghị quyết 41/NQ-HĐND ngày 29/6/2026)	VIÊN CHỨC HIỆN CÓ				HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG HIỆN CÓ		Ghi chú
					Tổng	Trong đó				Tổng	Trong đó			HĐLĐ theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP) (không thống kê HĐLĐ hỗ trợ, phục vụ)	HĐLĐ trong chỉ tiêu số lượng người làm việc được giao	
						Viên chức quản lý	Viên chức giáo viên (bao gồm tổng phụ trách đội)	Viên chức khác (kế toán, thủ quỹ, văn thư, y tế, quản trị công sở, thư viện, thiết bị, giáo vụ, ...)			Viên chức quản lý	Viên chức giáo viên (bao gồm tổng phụ trách đội)	Viên chức khác (kế toán, thủ quỹ, văn thư, y tế, quản trị công sở, thư viện, thiết bị, giáo vụ, ...)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	TH và THCS															
3	TH&THCS Võ Chí Công	3	11	169	30	2	25	3	1	23	2	18	3	1	5	
4	TH&THCS Trần Quý Cáp	4	23	463	44	2	38	4	0	38	2	32	4	0	5	
5	TH&THCS Huỳnh Thúc Kháng	3	15	306	36	3	29	4	0	29	3	22	4	0	7	
6	TH&THCS Nguyễn Văn Trỗi	3	18	347	45	3	38	4	0	31	3	24	4	0	10	
	UBND XÃ DUY NGHĨA															
	Mầm non															
1	Mẫu giáo Số 1 Dục Nghĩa	2	14	384	33	3	28	2	3	31	3	26	2	3	2	
2	Mẫu giáo Số 2 Dục Nghĩa	6	15	378	35	3	30	2	3	33	3	28	2	3	2	
3	Mẫu giáo Số 3 Dục Nghĩa	3	10	208	25	3	20	2	3	25	3	20	2	3	0	
	Tiểu học															
4	Tiểu học Số 1 Dục Nghĩa	2	27	909	45	2	40	3	2	38	2	33	3	2	7	
5	Tiểu học Số 2 Dục Nghĩa	1	14	418	27	2	22	3	2	23	2	21	0	2	4	
6	Tiểu học Số 3 Dục Nghĩa	1	18	542	31	2	26	3	3	25	2	21	2	3	6	
7	Tiểu học Số 4 Dục Nghĩa	3	22	638	35	2	30	3	5	28	2	23	3	5	7	
	THCS															
8	THCS Ngô Quyền	1	17	720	33	2	28	3	6	30	2	25	3	6	3	
9	THCS Nguyễn Văn Trỗi	1	19	795	36	1	32	3	6	29	1	26	2	6	7	
10	THCS Quang Trung	1	12	451	26	2	21	3	4	22	2	17	3	4	4	
	UBND XÃ NAM PHƯỚC															
	Mầm non															
1	MG Số 1 Nam Phước	3	12	338	29	3	24	2	4	27	3	22	2	4	2	
2	MG Số 2 Nam Phước	3	13	310	31	3	26	2	3	28	2	24	2	3	3	
3	MG Dục Phước	3	13	410	31	3	26	2	3	31	3	26	2	3	0	
4	MG Dục Vĩnh	3	12	363	29	3	24	2	4	29	3	24	2	4	0	
	Tiểu học															
5	TH Số 1 Nam Phước	2	23	716	42	2	36	4	2	39	2	34	3	2	3	
6	TH Số 2 Nam Phước	2	15	420	28	2	23	3	3	26	2	21	3	3	2	
7	TH Số 3 Nam Phước	1	30	1.004	51	3	44	4	2	46	3	39	4	2	5	
8	TH Số 1 Dục Phước	2	17	502	31	2	26	3	3	26	2	21	3	3	5	
9	TH Số 2 Dục Phước	2	15	400	29	2	24	3	2	28	2	23	3	2	1	
10	TH Dục Vĩnh	3	29	857	50	3	43	4	2	46	3	39	4	2	4	
	THCS															
11	THCS Trần Cao Vân	1	20	792	42	2	36	4	9	38	2	33	3	9	4	
12	THCS Chu Văn An	1	23	887	43	2	38	3	9	39	2	35	2	9	4	
13	THCS Kim Đồng	1	20	779	40	2	35	3	9	35	2	30	3	9	5	
14	THCS Nguyễn Bình Khiêm	1	17	674	32	2	27	3	9	30	2	25	3	9	2	
	UBND XÃ DUY XUÂN															
	Mầm non															
1	Trường Mẫu giáo Dục Trinh	2	9	235	23	3	18	2	1	20	2	16	2	1	2	
2	Trường Mẫu giáo Dục Sơn	3	13	336	30	2	26	2	1	28	1	25	2	1	1	
3	Trường Mẫu giáo Dục Trung	3	13	305	31	3	26	2	1	30	3	25	2	0	0	
	Tiểu học															
4	Trường Tiểu học Dục Trinh	2	26	806	44	2	38	4	2	36	2	32	2	2	6	
5	Trường Tiểu học Dục Sơn	3	25	702	45	3	39	3	1	41	3	35	3	1	3	
6	Trường Tiểu học Dục Trung	3	27	838	47	2	41	4	1	46	2	40	4	1	1	
	THCS															
7	Trường THCS Phù Đồng	1	17	618	32	2	26	4	8	29	2	23	4	8	3	
8	Trường THCS Nguyễn Thành Hân	1	16	663	34	2	29	3	4	28	2	23	3	3	5	
9	Trường THCS Lương Thế Vinh	1	17	646	34	2	29	3	6	30	1	26	3	5	3	
	UBND XÃ THU BÓN															
	Mầm non															
1	Mẫu giáo Dục Hòa	3	11	310	25	3	20	2	2	25	3	20	2	0	0	

STT	TÊN TRƯỞNG	Số điểm trường (bao gồm điểm trường chính và các điểm trường lẻ)	Số lớp (thống kê số dự kiến của năm học 2026-2027)	Số học sinh (thống kê số dự kiến của năm học 2026-2027)	BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC ĐƯỢC GIAO				Số lượng hợp đồng lao động được giao theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP) (báo cáo số liệu theo Nghị quyết 41/NQ-HĐND ngày 29/6/2026)	VIÊN CHỨC HIỆN CÓ			HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG HIỆN CÓ		Ghi chú	
					Tổng	Trong đó				Tổng	Trong đó		HĐLĐ theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP) (không thống kê HĐLĐ hỗ trợ, phục vụ)	HĐLĐ trong chỉ tiêu số lượng người làm việc được giao		
						Viên chức quản lý	Viên chức giáo viên (bao gồm tổng phụ trách đội)	Viên chức khác (kế toán, thủ quỹ, văn thư, y tế, quản trị công sở, thư viện, thiết bị, giáo vụ, ...)			Viên chức quản lý	Viên chức giáo viên (bao gồm tổng phụ trách đội)				Viên chức khác (kế toán, thủ quỹ, văn thư, y tế, quản trị công sở, thư viện, thiết bị, giáo vụ, ...)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
2	Mẫu giáo Duy Châu	2	9	250	18	2	14	2	4	18	2	14	2	2	0	
3	Mầm non Thu Bồn	6	20	510	45	5	36	4	2	41	4	34	3	4	2	
	Tiểu học															
4	Tiểu học Duy Hòa	2	25	800	45	2	39	4	0	40	2	34	4	0	5	
5	Tiểu học Duy Châu	2	20	680	36	2	31	3	0	29	2	24	3	0	7	
	THCS															
6	THCS Lê Quang Sung	1	17	660	34	2	28	4	2	28	2	22	4	5	6	
7	THCS Phan Châu Trinh	1	12	473	26	2	20	4	3	25	2	19	4	2	2	
	TH và THCS															
8	TH và THCS Nguyễn Chí Thanh	3	22	705	43	3	35	5	2	38	3	30	5	2	5	
9	TH và THCS Lê Quý Đôn	3	23	737	45	4	37	4	1	35	3	28	4	1	10	
10	TH và THCS Nguyễn Khuyến	3	22	640	41	3	34	4	3	37	3	30	4	3	5	
	UBND XÃ ĐIỆN BÀN TÂY															
	Mầm non															
1	Mẫu giáo Điện Phước	3	15	370	37	3	32	2	3	34	2	30	2	1	1	
2	Mẫu giáo Điện Thọ	3	12	302	31	3	27	1	3	28	3	24	1	1	1	
3	Mẫu giáo Điện Hồng	2	12	238	30	3	26	1	3	27	2	24	1	2	2	
	Tiểu học															
4	Tiểu học Cao Bá Quát	2	19	517	30	2	25	3	7	27	2	22	3	4	3	
5	Tiểu học Huỳnh Thúc Kháng	1	15	520	25	2	21	2	5	22	1	19	2	3	2	
6	Tiểu học Ngô Quyền	2	21	615	31	2	27	2	8	29	2	25	2	4	4	
7	Tiểu học Phan Bội Châu	1	15	411	25	2	21	2	5	23	2	19	2	3	2	
8	Tiểu học Nguyễn Thành Ý	1	13	388	24	2	20	2	4	21	2	17	2	2	2	
9	Tiểu học Junko	1	20	662	33	2	29	2	5	31	2	27	2	2	2	
	THCS															
10	THCS Trần Quý Cáp	1	22	912	48	2	42	4	10	38	2	32	4	6	4	
11	THCS Phan Thúc Duyện	1	22	926	48	2	42	4	9	39	2	34	3	6	3	
12	THCS Ông Ích Khiêm	1	20	838	45	2	39	4	9	36	2	32	2	5	4	
	UBND XÃ GỖ NỔI															
	Mầm non															
1	Trường Mẫu giáo Điện Phong	1	10	235	26	3	21	2	1	26	3	21	2	1	0	
2	Trường Mẫu giáo Điện Trung	2	7	182	18	2	14	2	2	16	2	12	2	2	1	
3	Trường Mẫu giáo Phan Triêm	3	10	250	26	3	21	2	1	25	2	21	2	1	1	
	Tiểu học															
4	Tiểu học Trần Hưng Đạo	2	21	698	35	2	30	3	2	29	2	24	3	2	6	
5	Tiểu học Nguyễn Trọng Nghĩa	2	16	423	27	2	22	3	2	22	2	18	2	2	6	
6	Tiểu học Phan Thanh	2	20	632	34	2	29	3	2	27	2	23	2	2	7	
	THCS															
7	THCS Nguyễn Đình Chiểu	1	12	510	29	2	23	4	0	22	2	16	4	0	7	
8	THCS Lê Đình Dương	1	12	438	26	2	20	4	3	25	2	19	4	3	1	
9	THCS Trần Cao Vân	1	12	479	27	2	21	4	2	20	2	14	4	2	7	
	UBND XÃ TÂN HIỆP															
	Mầm non															
1	Trường Mẫu giáo Tân Hiệp	1	3	40	9	2	6	1	3	6	1	5	0	3	0	
	TH và THCS															
2	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Q	1	9	195	24	3	18	3	3	19	2	14	3	3	0	
	UBND XÃ ĐẠI LỘC															
	Mầm non															
1	Mẫu giáo Đại Nghĩa	2	16	442	37	3	32	2	0	37	3	32	2	0	0	
2	Mầm non Ai Nghĩa	1	12	370	30	3	26	1	1	29	3	25	1	1	1	
3	Mầm non Bình Minh	2	14	378	32	3	28	1	1	30	3	26	1	2	2	
4	Mầm non Đại An	2	13	323	27	3	22	2	2	24	3	19	2	3	3	
5	Mầm non Đại Hiệp	1	15	400	34	3	30	1	1	33	3	29	1	1	1	

STT	TÊN TRƯỞNG	Số điểm trường (bao gồm điểm trường chính và các điểm trường lẻ)	Số lớp (thống kê số dự kiến của năm học 2026-2027)	Số học sinh (thống kê số dự kiến của năm học 2026-2027)	BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC ĐƯỢC GIAO			Số lượng hợp đồng lao động được giao theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP) (báo cáo số liệu theo Nghị quyết 41/NQ-HĐND ngày 29/6/2026)	VIÊN CHỨC HIỆN CÓ				HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG HIỆN CÓ		Ghi chú	
					Tổng	Trong đó			Tổng	Trong đó			HĐLĐ theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP) (không thống kê HĐLĐ hỗ trợ, phục vụ)	HĐLĐ trong chỉ tiêu số lượng người làm việc được giao		
						Viên chức quản lý	Viên chức giáo viên (bao gồm tổng phụ trách đội)			Viên chức khác (kế toán, thủ quỹ, văn thư, y tế, quản trị công sở, thư viện, thiết bị, giáo vụ, ...)	Viên chức quản lý	Viên chức giáo viên (bao gồm tổng phụ trách đội)				Viên chức khác (kế toán, thủ quỹ, văn thư, y tế, quản trị công sở, thư viện, thiết bị, giáo vụ, ...)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
6	Mầm non Đại Hòa	2	11	276	26	3	21	2	1	25	3	20	2	1	1	
	Tiểu học															
7	Tiểu học Đoàn Nghiễn	1	12	366	23	2	18	3	1	20	2	15	3	1	1	
8	Tiểu học Hứa Tào	1	24	776	41	2	36	3	1	32	2	27	3	9	9	
9	Tiểu học Lê Thị Xuyên	2	17	475	31	2	27	2	1	23	2	19	2	8	8	
10	Tiểu học Nguyễn Công Sáu	2	22	646	38	2	33	3	1	29	2	24	3	5	9	
11	Tiểu học Nguyễn Đức Thiệu	1	27	876	44	2	40	2	1	39	2	35	2	5	5	
12	Tiểu học Nguyễn Ngọc Bình	1	28	935	46	2	41	3	2	37	2	32	3	8	8	
13	Tiểu học Trương Hoành	1	18	538	32	2	28	2	1	26	2	22	2	4	6	
	THCS															
14	THCS Mỹ Hòa	1	28	1.052	59	2	52	5	3	57	2	50	5	2	2	
15	THCS Nguyễn Trãi	1	36	1.395	70	2	63	5	3	61	2	54	5	5	9	
16	THCS Trần Hưng Đạo	1	20	700	42	2	35	5	3	40	2	33	5	2	2	
17	THCS Trần Phú	1	21	735	45	2	39	4	3	43	2	38	3	1	2	
	UBND XÃ HÀ NHA															
	Mầm non															
1	Trường MN Đại Quang	2	16	424	39	3	34	2	1	33	3	28	2	0	0	
2	Trường MN Đại Đông	4	17	428	37	3	32	2	2	28	3	24	1	0	0	
3	Trường MN Đại Hồng	4	16	368	33	3	28	2	2	33	3	28	2	0	0	
	Tiểu học															
4	Trường Tiểu học Đại Quang	2	28	809	50	2	44	4	3	46	2	40	4	0	0	
5	Trường Tiểu học Đại Đông	3	26	835	46	2	41	3	1	29	2	25	2	0	0	
6	Trường Tiểu học Đại Hồng	4	25	700	43	2	38	3	2	29	2	24	3	0	0	
	THCS															
7	Trường THCS Nguyễn Du	1	21	782	46	2	39	5	3	37	2	32	3	0	0	
8	Trường THCS Kim Đồng	1	19	739	42	2	35	5	4	33	2	28	3	0	0	
9	Trường THCS Phù Đồng	1	17	641	38	2	32	4	4	31	2	25	4	0	0	
	UBND XÃ THUỶNG ĐỨC															
	Mầm non															
1	Trường Mầm non Đại Lãnh	2	11	275	27	3	22	2	2	27	3	22	2	2	0	
2	Trường Mầm non Đại Hưng	2	9	229	23	3	18	2	2	23	3	18	2	2	0	
3	Trường Mầm non Đại Sơn	3	6	117	15	3	10	2	1	13	2	10	1	2	0	
	Tiểu học															
4	Trường tiểu học Đại Lãnh	2	20	633	36	2	31	3	2	25	2	21	2	12	0	
5	Trường tiểu học Trương Đình Nam	2	16	450	30	2	25	3	2	20	1	17	2	8	0	
	THCS															
6	Trường THCS Quang Trung	2	11	356	29	2	21	6	1	18	2	14	2	7	0	
7	Trường THCS Nguyễn Huệ	2	15	517	36	2	28	6	1	26	2	20	4	8	0	
	TH và THCS															
8	Trường TH & THCS Đại Sơn	3	20	436	43	3	36	4	2	30	3	23	4	14	0	
	UBND XÃ VU GIA															
	Mầm non															
1	Trường MN Đại Cường	2	13	326	31	3	26	2	1	27	3	23	1	1	4	
2	Trường MN Đại Minh	2	11	292	27	3	22	2	1	25	3	21	1	1	2	
3	Trường MN Đại Phong	2	11	280	26	3	21	2	2	21	3	16	2	2	5	
	Tiểu học															
4	Trường TH Đại Cường	2	21	645	37	2	32	3	1	25	2	21	2	1	12	
5	Trường TH Nguyễn Thị Bảy	1	20	583	34	2	29	3	2	27	2	23	2	2	7	
6	Trường TH Trần Đình Trí	1	21	602	36	2	31	3	2	26	2	22	2	2	10	
	THCS															
7	Trường THCS Phan Bội Châu	1	14	521	31	2	26	3	3	27	2	22	3	3	4	
8	Trường THCS Lê Quý Đôn	1	13	459	31	2	24	5	2	29	2	22	5	2	2	
9	Trường THCS Võ Thị Sáu	1	14	482	35	2	28	5	0	34	2	27	5	0	1	

STT	TÊN TRƯỜNG	Số điểm trường (bao gồm điểm trường chính và các điểm trường lẻ)	Số lớp (thống kê số dự kiến của năm học 2026-2027)	Số học sinh (thống kê số dự kiến của năm học 2026-2027)	BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC ĐƯỢC GIAO			Số lượng hợp đồng lao động được giao theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP) (báo cáo số liệu theo Nghị quyết 41/NQ-HĐND ngày 29/6/2026)	VIÊN CHỨC HIỆN CÓ				HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG HIỆN CÓ		Ghi chú	
					Tổng	Trong đó			Tổng	Trong đó			HĐLĐ theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP) (không thống kê HĐLĐ hỗ trợ, phục vụ)	HĐLĐ trong chỉ tiêu số lượng người làm việc được giao		
						Viên chức quản lý	Viên chức giáo viên (bao gồm tổng phụ trách đội)			Viên chức khác (kế toán, thủ quỹ, văn thư, y tế, quản trị công sở, thư viện, thiết bị, giáo vụ, ...)	Viên chức quản lý	Viên chức giáo viên (bao gồm tổng phụ trách đội)				Viên chức khác (kế toán, thủ quỹ, văn thư, y tế, quản trị công sở, thư viện, thiết bị, giáo vụ, ...)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
2	Trường PTDTBT Tiểu học La Dêê	1	10	285	27	2	22	3	0	26	2	21	3	0	1	
	THCS															
3	Trường PTDTBT THCS La Dêê	1	6	174	17	2	11	4	0	16	2	10	4	0	1	
	UBND XÃ LA ÊÊ															
	Mầm non															
1	Trường Mẫu giáo La Êê	6	8	137	20	2	16	2	2	17	2	14	1	2	2	
	Tiểu học															
2	Trường PTDTBT Tiểu học La Êê	6	11	250	25	3	19	3	3	24	3	18	3	3	0	
	THCS															
3	Trường PTDTBT THCS La Êê	1	4	132	16	2	11	3	2	16	2	11	3	2	1	
	UBND XÃ SÔNG VÀNG															
	Mầm non															
1	Mầm non Sơn Ca	3	11	201	25	2	21	2	4	25	2	21	2	4	4	
2	Mẫu giáo Hoa Mai	2	5	84	11	2	8	1	4	11	2	8	1	4	4	
	Tiểu học															
3	Tiểu học Trần Quốc Toàn	3	20	421	38	3	31	4	7	38	3	31	4	7	7	
	THCS															
4	THCS Kim Đồng	1	12	384	28	2	22	4	10	28	2	22	4	10	10	
	TH và THCS															
5	TH&THCS Lê Lợi	2	12	249	27	2	22	3	7	27	2	22	3	7	7	
	UBND XÃ SÔNG KÔN															
	Mầm non															
1	Trường Mẫu giáo Hoa Mí	4	6	148	14	2	11	1	1	11	1	9	1	1	2	
2	Trường Mẫu giáo Măng Non	5	7	125	15	3	11	1	1	11	3	7	1	1	3	
3	Trường Mẫu giáo Tuổi Thơ	3	6	162	15	2	12	1	1	9	2	7	0	0	1	
	Tiểu học															
4	Trường Tiểu học A Tìng	3	16	326	26	2	23	1	2	17	2	14	1	1	8	
5	Trường Tiểu học Sông Kôn	4	17	302	30	2	25	3	1	22	2	19	1	0	5	
6	Trường Tiểu học Jơ Ngây	3	14	292	27	2	22	3	1	25	2	20	3	1	1	
	THCS															
7	Trường Trung học cơ sở Lê văn Tám	1	10	367	24	2	18	4	2	17	2	11	4	0	9	
8	Trường Trung học cơ sở Phan Châu Tr	1	7	251	19	2	15	2	1	13	2	9	2	1	5	
	UBND XÃ ĐÔNG GIANG															
	Mầm non															
1	Mầm non Prao - Tà Lu	5	19	403	41	3	36	2	7	37	3	33	1	7	4	
2	Mẫu giáo A Rooi - Zà Hung	5	7	133	14	2	11	1	4	12	2	9	1	4	2	
	Tiểu học															
3	Tiểu học thị trấn Prao	3	22	534	40	3	34	3	4	40	3	34	3	4	0	
4	Tiểu học Tà Lu	1	5	118	12	2	9	1	2	12	2	9	1	2	0	
5	Tiểu học A Rooi	3	7	134	15	2	12	1	2	13	2	11	0	2	2	
	THCS															
6	THCS Mẹ Thứ	1	12	464	30	2	24	4	2	24	2	18	4	2	6	
7	PTDTNT THCS Đông Giang	1	9	314	26	3	19	4	3	21	3	14	4	3	5	
	TH và THCS															
8	TH&THCS Zà Hung	4	14	368	32	2	27	3	4	31	2	26	3	4	1	
	UBND XÃ BẾN HIÊN															
	Mầm non															
1	Trường Mầm non Hoa Sen	3	7	147	17	2	14	1	2	10	1	8	1	2	7	
2	Trường Mầm non Hướng Dương	3	8	147	13	2	10	1	6	8	2	6	0	6	5	
	Tiểu học															
3	Trường Tiểu học Mã Cooih	3	14	223	27	2	22	3	2	20	2	16	2	2	7	
	THCS															
4	Trường PTDTBT THCS Trần Phú	1	4	147	15	2	10	3	2	10	2	6	2	2	5	

STT	TÊN TRƯỜNG	Số điểm trường (bao gồm điểm trường chính và các điểm trường lẻ)	Số lớp (thống kê số dự kiến của năm học 2026-2027)	Số học sinh (thống kê số dự kiến của năm học 2026-2027)	BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC ĐƯỢC GIAO				Số lượng hợp đồng lao động được giao theo Nghị định số 235/2026/ND-CP) (báo cáo số liệu theo Nghị quyết 41/NQ-HĐND ngày 29/6/2026)	VIÊN CHỨC HIỆN CÓ				HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG HIỆN CÓ		Ghi chú
					Tổng	Trong đó				Tổng	Trong đó			HĐLĐ theo Nghị định số 235/2026/ND-CP) (không thống kê HĐLĐ hỗ trợ, phục vụ)	HĐLĐ trong chỉ tiêu số lượng người làm việc được giao	
						Viên chức quản lý	Viên chức giáo viên (bao gồm tổng phụ trách đội)	Viên chức khác (kế toán, thủ quỹ, văn thư, y tế, quản trị công sở, thư viện, thiết bị, giáo vụ, ...)			Viên chức quản lý	Viên chức giáo viên (bao gồm tổng phụ trách đội)	Viên chức khác (kế toán, thủ quỹ, văn thư, y tế, quản trị công sở, thư viện, thiết bị, giáo vụ, ...)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	TH và THCS															
5	Trường TH&THCS Phan Bội Châu	3	19	427	35	3	29	3	6	33	3	27	3	6	2	
	UBND XÃ AVUÔNG															
	Mầm non															
1	Trường Mầm non Avurong	7	8	121	16	2	12	2	1	14	2	11	1	0	0	
2	Trường Mầm non liên xã Bhalêê - Anô	4	9	219	24	3	19	2	0	24	3	19	2	0	0	
	Tiểu học															
3	Trường PTDTBT Tiểu học xã Avurong	6	11	210	26	3	20	3	0	25	3	19	3	1	1	
4	Trường PTDTBT Tiểu học Bhalêê	4	12	376	32	3	26	3	0	29	3	23	3	2	3	
	THCS															
5	Trường PTDTBT Trung học cơ sở Ngu	1	7	365	27	3	20	4	0	24	2	18	4	1	1	
	UBND XÃ TÂY GIANG															
	Mầm non															
1	Trường Mẫu giáo Dang	5	6	97	11	2	7	2		11	2	7	2	2		
2	Trường Mầm non Aتيڠ	6	15	305	36	3	31	2	1	34	3	29	2	1		
3	Trường Mầm non Lãng	3	9	170	18	2	14	2		18	2	14	2	2		
	Tiểu học															
4	Trường Tiểu học Lãng	3	16	300	28	3	22	3		31	3	25	3	0		
5	Trường Tiểu học Aتيڠ	3	20	441	36	3	30	3		30	3	24	3	0		
6	Trường Tiểu học Anông	3	8	131	16	1	12	3		15	1	12	2	0		
	THCS															
7	Trường PTDTNT THCS Tây Giang	1	10	350	29	3	22	4		29	3	22	4	1		
8	Trường PTDTBT THCS Nguyễn văn T	1	13	493	32	2	26	4	1	27	2	21	4	15		
	TH và THCS															
9	Trường PTDTBT TH&THCS Dang	6	16	273	32	3	25	4		35	3	28	4	1		
	UBND XÃ HÙNG SƠN															
	Mầm non															
1	Trường Mẫu giáo Ch'om - Gari	11	12	232	22	3	17	2	5	22	3	17	2		5	
2	Trường Mầm non Axan - Tr'hy	9	13	232	28	3	23	2	3	28	3	23	2	2	3	
	Tiểu học															
3	Trường Phổ thông dân tộc bản trú Tiểu	4	7	171	19	3	13	3		19	3	13	3			
4	Trường Phổ thông dân tộc bản trú Tiểu	4	10	287	26	3	20	3		25	3	19	3			
5	Trường Phổ thông dân tộc bản trú Tiểu	6	7	226	21	3	15	3		21	3	15	3			
	THCS															
6	Trường Phổ thông dân tộc bản trú TH	1	5	230	23	3	16	4		21	3	16	2			
	TH và THCS															
7	Trường Phổ thông dân tộc bản trú Tiểu	6	11	348	37	3	31	3		38	3	32	3			
	UBND XÃ HIỆP ĐỨC															
	Mầm non															
1	Trường Mầm non Mãng Non	2	12	258	34	3	29	2		25	3	21	1		8	
2	Trường Mẫu giáo Hoa Anh Đào	2	5	101	17	2	13	2		14	2	10	2		3	
3	Trường Mẫu giáo Bình Minh	1	4	85	15	2	11	2		11	2	8	1		4	
	Tiểu học															
4	Trường Tiểu học Lê Văn Tám	2	27	803	52	3	46	3		41	3	36	2		10	
	THCS															
5	Trường THCS Phan Bội Châu	1	20	770	46	3	39	4		37	3	31	3		7	
	TH và THCS															
6	Trường TH&THCS Lý Thường Kiệt	2	9	424	29	2	23	4		19	2	14	3		10	
7	Trường TH&THCS Lê Hồng Phong	1	18	234	37	3	30	4		29	3	23	3		7	
	UBND XÃ VIỆT AN															
	Mầm non															
1	Trường Mẫu giáo Sơn Ca	1	7	180	24	3	19	2	0	22	3	17	2	0	0	
2	Trường Mẫu giáo Hoa Phong Lan	1	9	220	24	3	19	2	0	23	3	19	1	0	0	

STT	TÊN TRƯỜNG	Số điểm trường (bao gồm điểm trường chính và các điểm trường lẻ)	Số lớp (thống kê số dự kiến của năm học 2026-2027)	Số học sinh (thống kê số dự kiến của năm học 2026-2027)	BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC ĐƯỢC GIAO				Số lượng hợp đồng lao động được giao theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP) (báo cáo số liệu theo Nghị quyết 41/NQ-HĐND ngày 29/6/2026)	VIÊN CHỨC HIỆN CÓ				HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG HIỆN CÓ		Ghi chú
					Tổng	Trong đó				Tổng	Trong đó			HDLD theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP) (không thống kê HDLD hỗ trợ, phục vụ)	HDLD trong chỉ tiêu số lượng người làm việc được giao	
						Viên chức quản lý	Viên chức giáo viên (bao gồm tổng phụ trách đội)	Viên chức khác (kế toán, thủ quỹ, văn thư, y tế, quản trị công sở, thư viện, thiết bị, giáo vụ, ...)			Viên chức quản lý	Viên chức giáo viên (bao gồm tổng phụ trách đội)	Viên chức khác (kế toán, thủ quỹ, văn thư, y tế, quản trị công sở, thư viện, thiết bị, giáo vụ, ...)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
3	Trường Mẫu giáo Ánh Hồng	4	7	146	21	3	16	2	0	21	3	16	2	0	0	
	Tiểu học															
4	Trường Tiểu học Kim Đồng	2	17	455	36	3	30	3	0	30	3	24	3	0	5	
5	Trường Tiểu học Lý Tự Trọng	2	20	591	40	3	34	3	0	33	2	28	3	0	4	
	THCS															
6	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	1	14	512	35	2	29	4	0	24	2	20	2	0	10	
7	Trường THCS Chu Văn An	1	16	558	39	2	33	4	0	33	2	27	4	0	5	
	TH và THCS															
8	Trường TH-THCS Trần Cao Vân	3	15	385	37	2	31	4	0	27	2	22	3	0	8	
9	Trường TH-THCS Nguyễn Trãi	3	13	301	35	2	29	4	0	22	2	18	2	0	11	
	UBND XÃ PHƯỚC TRÁ															
	Mầm non															
1	Trường Mầm non Ánh Dương	2	7	136	17	2	13	2	2	17	2	13	2	2	0	
2	Trường Mầm non Hòa Mi	4	14	330	34	3	29	2	2	33	3	28	2	2	1	
	Tiểu học															
3	Trường tiểu học Kpa - Kolong	2	10	199	22	2	17	3	1	16	2	12	2	1	3	
4	Trường tiểu học Nguyễn Bá Ngọc	2	15	332	30	2	25	3	1	24	1	20	3	1	2	
5	Trường tiểu học Lê Lợi	3	15	268	30	2	25	3	1	25	2	20	3	1	3	
	THCS															
6	Trường PTDTNT THCS Hiệp Đức	1	18	625	45	3	38	4	4	41	3	34	4	4	4	
	UBND XÃ KHÂM ĐỨC															
	Mầm non															
1	Trường Mẫu giáo Sơn Ca	3	9	220	23	3	18	2		15	3	10	2	0	8	
2	Trường MN Ánh Hồng	1	13	348	34	2	30	2		27	2	23	2	0	7	
	Tiểu học															
3	Trường Tiểu học Lê Văn Tám	2	26	793	48	2	43	3	5	48	2	43	3	5	3	
	THCS															
4	Trường THCS Lý Tự Trọng	1	18	680	39	2	34	3	0	36	2	31	3	0	0	
	TH và THCS															
5	Trường TH&THCS Võ Thị Sáu	1	9	242	23	3	17	3	3	22	3	16	3	3	1	
	UBND XÃ PHƯỚC NĂNG															
	Mầm non															
1	Trường Mẫu giáo Hoa Mỹ	2	5	122	14	2	10	2	0	11	2	7	2		3	
2	Trường Mẫu giáo liên xã Năng Mỹ	4	10	261	24	3	19	2	1	17	3	12	2	1	7	
	TH và THCS															
3	Trường TH&THCS Kim Đồng	3	19	410	38	3	32	3	1	38	3	32	3	1	0	
4	Trường TH&THCS Phước Năng	2	18	458	37	3	31	3	0	36	3	30	3	0	1	
5	Trường TH&THCS Phước Mỹ	2	18	408	35	3	29	3	2	34	3	28	3	1	1	
	UBND XÃ PHƯỚC CHÁNH															
	Mầm non															
1	Trường Mẫu giáo Phước Chánh	5	10	247	25	3	20	2	0	15	2	11	2	0	10	
	Tiểu học															
2	Trường Tiểu học Phước Chánh	4	21	490	41	3	35	3	1	38	3	32	3	1	2	
	THCS															
3	Trường PTDTBT THCS Phước Chánh	1	11	389	33	3	26	4	0	21	2	16	3	0	11	
	UBND XÃ PHƯỚC THÀNH															
	Mầm non															
1	Trường MG Kim Thành Lộc	6	10	235	24	3	19	2	3	24	2	20	2	3	3	
	TH và THCS															
2	Trường PTDTBT TH&THCS Phước K	1	10	219	25	3	19	3	10	25	3	19	3	7	4	
3	Trường TH&THCS Phước Thành	1	17	496	35	3	29	3	8	35	3	29	3	8	3	
4	Trường PTDTBT TH&THCS Phước L	1	9	168	24	3	18	3	1	21	3	17	1	0	1	
	UBND XÃ PHƯỚC HIỆP															

STT	TÊN TRƯỜNG	Số điểm trường (bao gồm điểm trường chính và các điểm trường lẻ)	Số lớp (thống kê số dự kiến của năm học 2026-2027)	Số học sinh (thống kê số dự kiến của năm học 2026-2027)	BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC ĐƯỢC GIAO				Số lượng hợp đồng lao động được giao theo Nghị định số 235/2026/ND-CP) (báo cáo số liệu theo Nghị quyết 41/NQ-HĐND ngày 29/6/2026)	VIÊN CHỨC HIỆN CÓ				HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG HIỆN CÓ		Ghi chú
					Tổng	Trong đó				Tổng	Trong đó			HĐLĐ theo Nghị định số 235/2026/ND-CP) (không thống kê HĐLĐ hỗ trợ, phục vụ)	HĐLĐ trong chỉ tiêu số lượng người làm việc được giao	
						Viên chức quản lý	Viên chức giáo viên (bao gồm tổng phụ trách đội)	Viên chức khác (kế toán, thủ quỹ, văn thư, y tế, quản trị công sở, thư viện, thiết bị, giáo vụ, ...)			Viên chức quản lý	Viên chức giáo viên (bao gồm tổng phụ trách đội)	Viên chức khác (kế toán, thủ quỹ, văn thư, y tế, quản trị công sở, thư viện, thiết bị, giáo vụ, ...)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	Mầm non															
1	Trường Mẫu giáo Hiệp Hòa	3	9	199	24	3	19	2	0	16	3	11	2	0	6	
	TH và THCS															
2	Trường TH&THCS Phước Hiệp	1	19	584	40	3	34	3	4	35	3	29	3	0	3	
3	Trường TH&THCS Phước Hòa	2	14	320	30	3	24	3	0	24	3	18	3	1	6	